

**BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO**  
**TRƯỜNG ĐẠI HỌC DÂN LẬP HẢI PHÒNG**

---



ISO 9001:2008

**KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP**

**NGÀNH: KẾ TOÁN - KIỂM TOÁN**

**Sinh viên : Lê Thị Hải**

**Giảng viên hướng dẫn: Th.S Phạm Văn Tường**

**HẢI PHÒNG - 2016**

**BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO**  
**TRƯỜNG ĐẠI HỌC DÂN LẬP HẢI PHÒNG**

---

**HOÀN THIỆN TỔ CHỨC KẾ TOÁN DOANH THU,  
CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TẠI  
CÔNG TY QUẾ PHÒNG**

**KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP ĐẠI HỌC HỆ CHÍNH QUY**

**NGÀNH: KẾ TOÁN – KIỂM TOÁN**

**Sinh viên : Lê Thị Hải**

**Giảng viên hướng dẫn: Th.S Phạm Văn Tường**

**HẢI PHÒNG - 2016**

**BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO**  
**TRƯỜNG ĐẠI HỌC DÂN LẬP HẢI PHÒNG**

**NHIỆM VỤ ĐỀ TÀI TỐT NGHIỆP**

Sinh viên: Lê Thị Hải

Mã SV: 1413401013

Lớp: QTL801K

Ngành: Kế toán – Kiểm toán

Tên đề tài: Hoàn thiện tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và xác định  
kết quả kinh doanh tại công ty Quế Phòng

# NHIỆM VỤ ĐỀ TÀI

1. Nội dung và các yêu cầu cần giải quyết trong nhiệm vụ đề tài tốt nghiệp (về lý luận, thực tiễn, các số liệu cần tính toán và các bản vẽ).
    - Trình bày các cơ sở lý luận về tổ chức doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp.
    - Phân tích thực trạng tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty cổ phần thương mại Quế Phòng.
    - Đưa ra các giải pháp nhằm hoàn thiện hơn tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty cổ phần thương mại Quế Phòng.
  2. Các số liệu cần thiết để thiết kế, tính toán.
    - Các văn bản của Nhà nước về chế độ kế toán liên quan đến tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp có quy mô vừa và nhỏ.
    - Quy chế, quy định về kế toán – tài chính tại doanh nghiệp.
  - Hệ thống sổ sách kế toán liên quan đến tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty cổ phần thương mại Quế Phòng, sử dụng số liệu năm 2015.
  3. Địa điểm thực tập tốt nghiệp.
    - Công ty cổ phần thương mại Quế Phòng.
    - Địa chỉ: Số 52 đường Hà Nội, phường Sở Dầu, quận Hồng Bàng, Hải Phòng
- 
-

## CÁN BỘ HƯỚNG DẪN ĐỀ TÀI TỐT NGHIỆP

### Người hướng dẫn thứ nhất:

Họ và tên: Phạm Văn Tường

Học hàm, học vị: Thạc sỹ

Cơ quan công tác: Trường Đại học Dân lập Hải Phòng

Nội dung hướng dẫn: Hoàn thiện tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại công ty Quế Phòng.

### Người hướng dẫn thứ hai:

Họ và tên:.....

Học hàm, học vị:.....

Cơ quan công tác:.....

Nội dung hướng dẫn:.....

Đề tài tốt nghiệp được giao ngày 18 tháng 4 năm 2016

Yêu cầu phải hoàn thành xong trước ngày 09 tháng 7 năm 2016

Đã nhận nhiệm vụ ĐTTN

Đã giao nhiệm vụ ĐTTN

*Sinh viên*

*Người hướng dẫn*

**Lê Thị Hải**

**Th.S Phạm Văn Tường**

*Hải Phòng, ngày ..... tháng.....năm 2016*

**Hiệu trưởng**

**GS.TS.NGUYỄN Trần Hữu Nghị**

---

---

# MỤC LỤC

<b>CHƯƠNG 1: LÝ LUẬN CHUNG VỀ KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TRONG DOANH NGHIỆP VỪA VÀ NHỎ</b> .....	2
1.1. Những vấn đề chung về doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp vừa và nhỏ .....	2
1.1.1. Sự cần thiết của công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp vừa và nhỏ .....	2
1.1.2. Một số khái niệm về doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh .....	2
1.1.2.1. Doanh thu .....	2
1.1.2.2. Chi phí .....	4
1.1.2.3. Xác định KQKD .....	4
1.1.3. Nhiệm vụ của kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh .....	4
1.2. Nội dung tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp .....	5
1.2.1. Kế toán doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ và các khoản giảm trừ doanh thu .....	5
1.2.1.1. Các phương thức tiêu thụ .....	5
1.2.1.2. Các khoản giảm trừ doanh thu .....	6
1.2.1.3. Chứng từ sử dụng .....	6
1.2.1.4. Tài khoản sử dụng .....	6
1.2.2. Kế toán giá vốn hàng bán .....	10
1.2.2.1. Các phương pháp tính giá vốn hàng xuất kho .....	10
1.2.2.2. Chứng từ sử dụng .....	12
1.2.2.3. Tài khoản sử dụng .....	12
1.2.2.4. Phương pháp hạch toán .....	13
1.2.3. Kế toán chi phí quản lý kinh doanh .....	14
1.2.3.1. Chứng từ sử dụng .....	14
1.2.3.2. Tài khoản sử dụng .....	14
1.2.3.3. Phương pháp hạch toán .....	15
1.2.4. Kế toán doanh thu hoạt động tài chính và chi phí hoạt động tài chính .....	16
1.2.4.1. Chứng từ sử dụng .....	16
1.2.4.2. Tài khoản sử dụng .....	16

---

---

1.2.4.3. Phương pháp hạch toán .....	17
1.2.5. Kế toán thu nhập hoạt động khác và chi phí hoạt động khác .....	20
1.2.5.1. Chứng từ sử dụng .....	20
1.2.5.2. Tài khoản sử dụng .....	20
1.2.5.3. Phương pháp hạch toán .....	21
1.2.6. Kế toán xác định kết quả các hoạt động kinh doanh.....	22
1.2.6.1. Chứng từ sử dụng .....	22
1.2.6.2. Tài khoản sử dụng .....	22
1.2.6.3. Phương pháp hạch toán .....	23
1.2.7. Hạch toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh qua các hình thức kế toán .....	25
1.2.7.1. Hình thức kế toán Nhật ký chung .....	25
1.2.7.2. Hình thức kế toán nhật ký sổ cái .....	25
1.2.7.3. Hình thức kế toán Chứng từ ghi sổ .....	26
1.2.7.4. Hình thức kế toán trên máy vi tính.....	27
<b>CHƯƠNG 2: THỰC TRẠNG CÔNG TÁC KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TẠI CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI QUẾ PHÒNG .....</b>	<b>29</b>
2.1. Tổng quan về Công ty Cổ phần Thương mại Quế Phòng.....	29
2.1.1. Quá trình hình thành phát triển .....	29
2.1.2. Ngành nghề kinh doanh .....	29
2.1.3. Chức năng nhiệm vụ của công ty .....	31
2.1.4. Cơ cấu tổ chức.....	31
2.1.5. Tổ chức kế toán công ty .....	31
2.1.5.1. Tổ chức bộ máy kế toán của công ty.....	31
2.1.5.2. Chế độ và chính sách kế toán của công ty .....	33
2.2. Thực trạng công tác kế toán DT, CP và XĐKQKD tại công ty Cổ phần Thương mại Quế Phòng .....	34
2.2.1. Kế toán doanh thu bán hàng tại công ty Cổ phần Thương mại Quế Phòng .....	34
2.2.1.1. Chứng từ và tài khoản sử dụng .....	34
2.2.1.2. Quy trình hạch toán .....	34
2.2.1.3. Ví dụ thực tế tại công ty .....	35
2.2.2. Kế toán giá vốn hàng bán tại công ty Cổ phần Thương mại Quế Phòng .	42
2.2.1.1. Chứng từ và tài khoản sử dụng .....	42

---

2.2.1.2. Quy trình hạch toán.....	42
2.2.1.3. Ví dụ thực tế tại công ty.....	42
2.2.3. Kế toán chi phí quản lý kinh doanh tại công ty Cổ phần Thương mại Quế Phòng.....	47
2.2.3.1. Chứng từ và tài khoản sử dụng.....	47
2.2.3.2. Quy trình hạch toán.....	47
2.2.4. Kế toán DTHĐTC và CPHĐTC tại công ty Cổ phần Thương mại Quế Phòng.....	53
2.2.4.1. Nội dung DTHĐTC và CPHĐTC tại công ty Cổ phần Thương mại Quế Phòng.....	53
2.2.4.2. Chứng từ và tài khoản sử dụng.....	53
2.2.4.3. Quy trình hạch toán.....	53
2.2.4.4. Ví dụ thực tế tại công ty.....	54
2.2.5. Kế toán TNHĐK và CPHĐK tại công ty Cổ phần Thương mại Quế Phòng.....	59
2.2.6. Kế toán XĐKQKD tại công ty Cổ phần Thương mại Quế Phòng.....	59
2.2.6.1. Chứng từ và tài khoản sử dụng.....	59
2.2.6.2. Quy trình hạch toán.....	59
2.2.6.3. Ví dụ thực tế tại công ty: Xác định kết quả kinh doanh năm 2015.....	59
<b>CHƯƠNG 3: MỘT SỐ Ý KIẾN NHẪM HOÀN THIỆN CÔNG TÁC KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TẠI CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI QUẾ PHÒNG.....</b>	<b>69</b>
3.1. Đánh giá chung về công tác kế toán nói chung và kế toán DT, CP và XĐKQKD tại công ty Cổ phần Thương mại Quế Phòng.....	69
3.1.1. Ưu điểm.....	69
3.1.2. Hạn chế.....	70
3.2. Một số ý kiến nhằm hoàn thiện công tác kế toán DT, CP và XĐKQKD tại công ty Cổ phần Thương mại Quế Phòng.....	70
3.2.1. Kiến nghị về chứng từ kế toán:.....	70
3.2.2. Kiến nghị về tài khoản:.....	71
3.3.3. Kiến nghị về sổ kế toán:.....	73
3.3.4. Kiến nghị thay đổi hình thức kế toán.....	75
<b>Kết luận.....</b>	<b>77</b>

---



## **LỜI MỞ ĐẦU**

Trong điều kiện kinh tế thị trường hiện nay, muốn tồn tại và phát triển lâu dài thì các doanh nghiệp cần phải chủ động sản xuất kinh doanh, nâng cao công tác quản lý, nắm bắt một cách nhanh chóng và chuẩn xác các thông tin, đặc biệt là các thông tin kinh tế. Những thông tin này chỉ có kế toán thu thập, tổng hợp và cung cấp được.

Đồng thời, đó cũng là cơ sở để cơ quan thuế, các đối tác làm ăn và các tổ chức tài chính xem xét làm việc và hợp tác. Việc tổ chức hạch toán kế toán của doanh nghiệp có nhiều khâu quan trọng, trong đó công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh là một khâu cơ bản của hạch toán kế toán trong doanh nghiệp.

Qua thời gian thực tập tại Công ty cổ phần thương mại Quế Phòng, em đã cố gắng tìm hiểu thực tế để nâng cao kiến thức, học hỏi kinh nghiệm thực tế về công tác kế toán.

Qua đó em nhận thức đầy đủ, cụ thể hơn về công tác kế toán còn tồn tại một số hạn chế trong việc hạch toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh làm cho việc theo dõi chính xác kết quả của hoạt động kinh doanh còn gặp phải một số khó khăn.

Xuất phát từ thực tế đó em đã chọn đề tài: “ *Hoàn thiện tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại công ty Quế Phòng* ” làm đề tài khóa luận.

Nội dung của đề tài được trình bày trong 3 chương:

***Chương I : Lý luận chung về kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp vừa và nhỏ***

***Chương II : Thực trạng công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty cổ phần thương mại Quế Phòng***

***Chương III : Một số ý kiến nhằm hoàn thiện công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại công ty cổ phần thương mại Quế Phòng.***

Khóa luận của em được hoàn thành với sự giúp đỡ, quan tâm tận tình, chu đáo của giáo viên hướng dẫn – *Th.S Phạm Văn Tường* cùng công ty.

*Em xin chân thành cảm ơn !*

## **CHƯƠNG 1: LÝ LUẬN CHUNG VỀ KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TRONG DOANH NGHIỆP VỪA VÀ NHỎ**

### **1.1. Những vấn đề chung về doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp vừa và nhỏ**

#### **1.1.1. Sự cần thiết của công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp vừa và nhỏ**

Trong nền kinh tế thị trường sản xuất ra sản phẩm hàng hóa và bán được các sản phẩm đó trên thị trường là điều kiện kiên quyết cho sự tồn tại phát triển của doanh nghiệp. Thông qua bán hàng ta có thể xác định được giá trị và giá trị sử dụng của sản phẩm đó hàng hóa đó được thực hiện, hàng hóa chuyển hình thái hiện vật sang hình thái giá trị (tiền tệ) hay còn gọi là doanh thu, giúp cho vòng luân chuyển vốn được hoàn thành, tăng hiệu quả sử dụng vốn được hoàn thành, tăng hiệu quả sử dụng vốn. Điều này có ý nghĩa rất to lớn đối với nền kinh tế nói chung và đối với bản thân toàn doanh nghiệp nói riêng. Đối với các doanh nghiệp thương mại thì doanh thu có ý nghĩa rất to lớn, có doanh thu mới có thể đem lại lợi nhuận cho doanh nghiệp và bù đắp được chi phí đã bỏ ra không những thế nó còn phản ánh năng lực kinh doanh và vị thế của doanh nghiệp trên thị trường. Kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh là một nội dung chủ yếu của công tác kế toán phản ánh hiệu quả kinh doanh của doanh nghiệp trong một thời kỳ. Với ý nghĩa to lớn đó, kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh đòi hỏi các doanh nghiệp trong nền kinh tế thị trường áp dụng các biện pháp phù hợp với doanh nghiệp mà vẫn khoa học với chế độ kế toán do Nhà nước ban hành.

#### **1.1.2. Một số khái niệm về doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh**

##### **1.1.2.1. Doanh thu**

- Theo chuẩn mực kế toán số 14 “Doanh thu và thu nhập khác” trong hệ thống chuẩn mực kế toán Việt Nam: “Doanh thu là tổng giá trị các lợi ích kinh tế doanh nghiệp thu được trong kỳ kế toán, phát sinh từ các hoạt động sản xuất, kinh doanh thông thường của doanh nghiệp, góp phần làm phát triển vốn chủ sở hữu”.

- Doanh thu phát sinh từ giao dịch, sự kiện được xác định bởi thỏa thuận giữa doanh nghiệp với bên mua hoặc bên sử dụng tài sản. Nó được xác định bằng giá trị hợp lý của các khoản đã thu được hoặc sẽ thu được sau khi trừ (-) các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và giá trị hàng bán bị trả lại

Doanh thu của các doanh nghiệp bao gồm doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ, doanh thu hoạt động tài chính và thu nhập hoạt động khác

- Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ là toàn bộ số tiền thu được hoặc sẽ thu được từ các giao dịch như bán hàng hoá... bao gồm cả các khoản phụ thu và phí thu thêm ngoài giá bán (nếu có).

Doanh thu còn bao gồm các khoản trợ giá, phụ thu theo quy định của nhà nước đối với một số hàng hoá dịch vụ đã tiêu thụ trong kỳ được nhà nước cho phép và giá trị của các sản phẩm hàng hoá đem biếu, tặng hoặc tiêu dùng trong nội bộ doanh nghiệp.

-Doanh thu hoạt động tài chính là các khoản thu bao gồm:

+Tiền lãi: Lãi cho vay; lãi tiền gửi; lãi bán hàng trả chậm; trả góp; lãi đầu tư trái phiếu....

+Thu nhập từ cho thuê tài sản, cho người khác sử dụng tài sản ( bằng sáng chế, nhãn mác thương mại... )

+Cổ tức, lợi nhuận được chia..

+Thu nhập về hoạt động đầu tư mua bán chứng khoán.

+Thu nhập chuyển nhượng, cho thuê cơ sở hạ tầng.

+Thu nhập về các hoạt động đầu tư khác.

+Chênh lệch lãi do bán ngoại tệ

+Chênh lệch lãi chuyển nhượng, vốn.

-Thu nhập hoạt động khác: là các khoản thu từ các hoạt động xảy ra không thường xuyên như thu từ việc bán vật tư, hàng hóa, tài sản, công cụ dụng cụ đã phân bổ hết... các khoản phải trả nhưng không cần trả, các khoản từ việc chuyển nhượng thanh lý tài sản, nợ khó đòi đã xóa nay thu hồi được, hoàn nhập dự phòng giảm giá hàng tồn kho...

-Các khoản giảm trừ doanh thu: Tài khoản này dùng để phản ánh các khoản được điều chỉnh giảm trừ vào doanh thu bán hàng, cung cấp dịch vụ phát sinh trong kỳ, gồm: Chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại

+Chiết khấu thương mại: là khoản DN bán giảm giá niêm yết cho khách hàng mua hàng với khối lượng lớn

+ Giảm giá hàng bán: là khoản giảm trừ cho khách hàng do hàng kém chất lượng, sai quy cách hoặc lạc hậu thị hiếu

+ Hàng bán bị trả lại: là khối lượng hàng bán đã xác định là bán hoàn thành bị khách hàng trả lại và từ chối thanh toán.

***1.1.2.2. Chi phí***

-Chi phí là một khái niệm cơ bản nhất của bộ môn kế toán, của việc kinh doanh và trong kinh tế học, là các hao phí về nguồn lực để doanh nghiệp đạt được một hoặc những mục tiêu cụ thể. Nói một cách khác, hay theo phân loại của kế toán tài chính thì đó là số tiền phải trả để thực hiện các hoạt động kinh tế như sản xuất, giao dịch, v.v... nhằm mua được các loại hàng hóa, dịch vụ cần thiết cho quá trình sản xuất, kinh doanh. Như vậy, có nhiều loại chi phí khác nhau.

-Các loại chi phí:

- + Chi phí giá vốn hàng bán
- + Chi phí quản lý kinh doanh
- + Chi phí hoạt động tài chính
- + Chi phí hoạt động khác
- +Chi phí thuế TNDN

***1.1.2.3. Xác định KQKD***

- Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh: là khoản chênh lệch giữa tổng doanh thu đạt được và tổng chi phí phải bỏ ra trong quá trình hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp trong một kỳ kế toán nhất định. Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh được biểu hiện bằng lãi (nếu doanh thu lớn hơn chi phí) và lỗ (nếu doanh thu nhỏ hơn chi phí).

-*Cách tính:*

- + *Bước 1: Kết chuyển các khoản giảm trừ doanh thu*
- + *Bước 2: Kết chuyển doanh thu (DTBH, DTHĐTC, TNK)*
- + *Bước 3: Kết chuyển chi phí (GVHB, CPQLKD, CPHĐTC, CPK)*
- + *Bước 4: Kết chuyển lợi nhuận trước thuế*
- + *Bước 5: Xác định thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp*
- + *Bước 6: Kết chuyển thuế thu nhập doanh nghiệp*
- + *Bước 7: Kết chuyển lợi nhuận sau thuế (lãi-lỗ)*
- + *Bước 8: Kết chuyển thuế GTGT*

**1.1.3. Nhiệm vụ của kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh**

- Nhiệm vụ của kế toán doanh thu:  
Phản ánh kịp thời doanh thu bán hàng để xác định kết quả bán hàng, đơn đốc, kiểm tra, đảm bảo thu đủ và kịp thời tiền bán hàng tránh bị chiếm dụng vốn bất hợp lý

Cung cấp thông tin chính xác trung thực, lập quyết toán đầy đủ kịp thời để đánh giá đúng hiệu quả kinh doanh cũng như tình hình thực hiện nghĩa vụ với Nhà nước.

- Nhiệm vụ của kế toán chi phí:

Ghi chép, phản ánh, tính toán hạch toán chính xác chi phí phát sinh trong kỳ cho từng đối tượng chịu chi phí của hoạt động của hoạt động bán hàng và cung cấp dịch vụ nhằm xác định đúng đắn kết quả kinh doanh.

- Nhiệm vụ của kế toán xác định kết quả kinh doanh

Ghi chép, phản ánh chính xác các nghiệp vụ kinh tế phát sinh

Tính toán, kết chuyển chính xác doanh thu thuần, chi phí nhằm xác định kết quả kinh doanh.

## **1.2. Nội dung tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp**

### ***1.2.1. Kế toán doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ và các khoản giảm trừ doanh thu***

#### *1.2.1.1. Các phương thức tiêu thụ*

- Doanh thu bán hàng theo phương thức bán hàng trực tiếp

Căn cứ vào hợp đồng mua bán đã được ký kết, bên mua cử cán bộ đến nhận hàng tại kho của doanh nghiệp. Khi nhận hàng xong, người nhận hàng ký xác nhận hàng vào hóa đơn bán hàng và hàng đó được xác nhận là tiêu thụ và được hạch toán vào doanh thu.

- Doanh thu bán hàng theo phương thức gửi hàng đi bán

Theo phương thức này, doanh nghiệp xuất hàng gửi đi bán cho khách hàng theo hợp đồng đã ký kết giữa hai bên. Khi xuất hàng gửi đi bán thì hàng chưa được xác định tiêu thụ, tức là chưa được hạch toán vào doanh thu. Hàng gửi đi bán chỉ được hạch toán khi khách hàng chấp nhận thanh toán.

- Doanh thu bán hàng theo phương thức bán trả chậm, trả góp

Theo phương thức này, khi bán hàng doanh nghiệp ghi nhận doanh thu bán hàng theo giá bán hàng trả ngay, khách hàng được chậm trả tiền hàng và phải chịu tiền lãi trả chậm theo tỷ lệ quy định trong trường hợp mua bán hàng. Phần trả lãi trả chậm được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ là giá trả một lần ngay từ đầu không bao gồm tiền lãi trả chậm, trả góp.

- Doanh thu bán hàng theo phương thức hàng đổi hàng

Theo phương thức này, doanh nghiệp đem sản phẩm vật tư hàng hóa để đổi lấy vật tư, hàng hóa khác không tương tự. Giá trao đổi là giá hiện hành của vật tư, hàng hóa tương ứng trên thị trường

-Doanh thu bán hàng theo phương thức đại lý

Theo phương thức này doanh nghiệp giao hàng cho cơ sở đại lý để các cơ sở này trực tiếp bán hàng. Bên nhận làm đại lý sẽ trực tiếp bán hàng, thanh toán tiền hàng và được hưởng hoa hồng đại lý. Số hàng chuyển giao cho các cơ sở đại lý vẫn thuộc quyền sở hữu của doanh nghiệp cho đến khi doanh nghiệp được các cơ sở đại lý thanh toán tiền hay chấp nhận thanh toán hoặc thông báo về số hàng đã bán được, doanh nghiệp mới mất quyền sở hữu số hàng này.

***1.2.1.2. Các khoản giảm trừ doanh thu***

- Chiết khấu thương mại: là khoản DN bán giảm giá niêm yết cho khách hàng mua hàng với khối lượng lớn
- Giảm giá hàng bán: là khoản giảm trừ cho khách hàng do hàng kém chất lượng, sai quy cách hoặc lạc hậu thị hiếu
- Hàng bán bị trả lại: là khối lượng hàng bán đã xác định là bán hoàn thành bị khách hàng trả lại và từ chối thanh toán.

***1.2.1.3. Chứng từ sử dụng***

- Phiếu nhập kho, phiếu xuất kho, thẻ kho.
- Hóa đơn GTGT.
- Phiếu thu, chi tiền mặt, giấy báo nợ, có của ngân hàng.
- Các chứng từ liên quan khác

***1.2.1.4. Tài khoản sử dụng***

\* TK 511: Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

- Kết cấu tài khoản:

Nợ	TK511	Có
↓		↑
Tổng PS nợ		Tổng PS có
×		

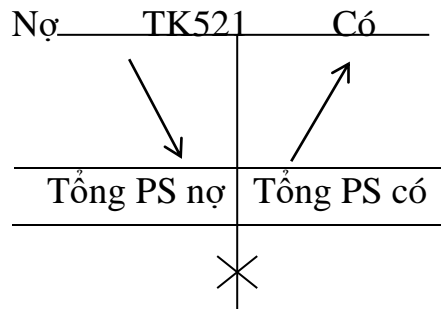
Số phát sinh giảm bên nợ, số phát sinh tăng bên có.

Bên nợ: Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ giảm do: giảm giá hàng bán, chiết khấu thương mại, hàng bán bị trả lại

Bên có: Doanh thu bán hàng tăng do bán sản phẩm, hàng hóa, bất động sản đầu tư và cung cấp dịch vụ của doanh nghiệp thực hiện trong kỳ kế toán.

Không có số dư cuối kỳ.

- Các tài khoản cấp 2
- + Tài khoản 5111 – Doanh thu bán hàng hoá
- + Tài khoản 5112 – Doanh thu bán các thành phẩm
- + Tài khoản 5113 – Doanh thu cung cấp dịch vụ
- + Tài khoản 5114 – Doanh thu trợ cấp, trợ giá
- + Tài khoản 5117 – Doanh thu kinh doanh bất động sản đầu tư:
- + Tài khoản 5118 – Doanh thu khác
- \* TK 521: Các khoản giảm trừ doanh thu
- Kết cấu tài khoản 521



**Số phát sinh giảm bên nợ, số phát sinh tăng bên có**

Bên nợ:

- Trị giá của hàng bán bị trả lại, đã trả lại tiền cho người mua hoặc tính vào nợ phải thu của khách hàng.
- Các khoản giảm giá hàng bán

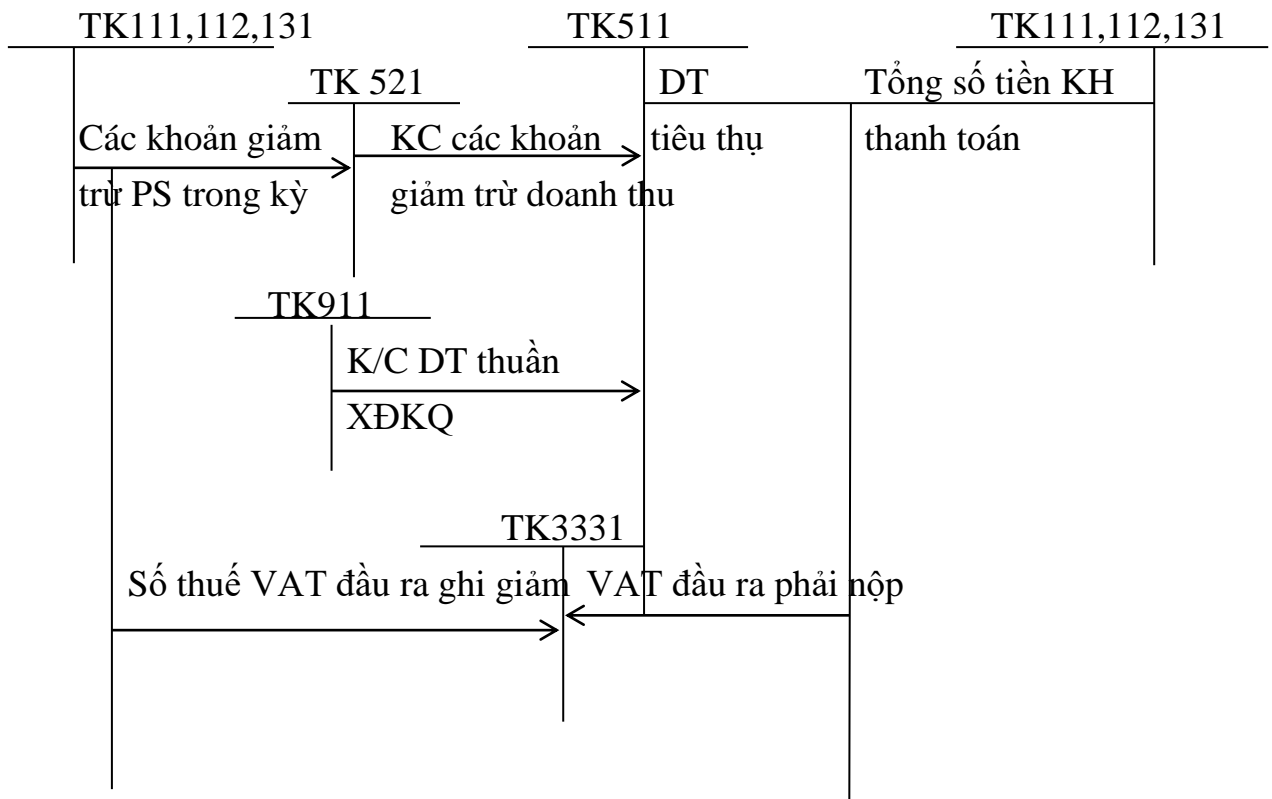
Bên có: Kết chuyển toàn bộ các khoản giảm trừ doanh thu phát sinh trong kỳ sang tài khoản 511: doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ.

**Không có số dư cuối kỳ**

- Các tài khoản cấp 2
- + TK5211: Chiết khấu thương mại
- + TK5212: Hàng bán bị trả lại
- + TK5213: Giảm giá hàng bán

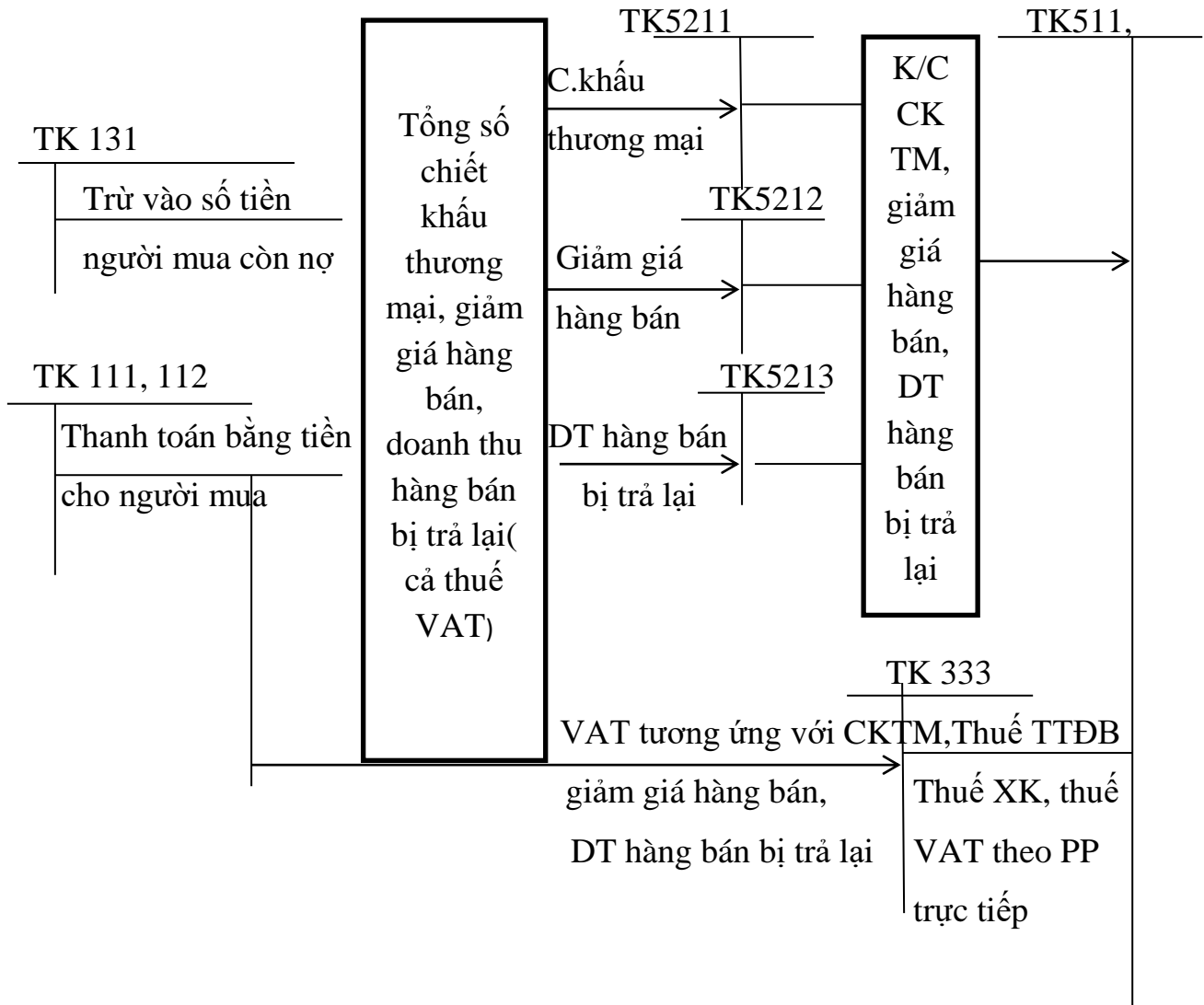
**1.2.1.5. Phương pháp hạch toán**

**Sơ đồ:** Hạch toán doanh thu bán hàng theo phương pháp trực tiếp.





**Sơ đồ:** Hạch toán các khoản giảm trừ doanh thu.



**1.2.2. Kế toán giá vốn hàng bán****1.2.2.1. Các phương pháp tính giá vốn hàng xuất kho****1. Phương pháp giá thực tế đích danh**

Theo phương pháp này sản phẩm, vật tư, hàng hoá xuất kho thuộc lô hàng nhập nào thì lấy đơn giá nhập kho của lô hàng đó để tính. Đây là phương án tốt nhất, nó tuân thủ nguyên tắc phù hợp của kế toán; chi phí thực tế phù hợp với doanh thu thực tế. Giá trị của hàng xuất kho đem bán phù hợp với doanh thu mà nó tạo ra. Hơn nữa, giá trị hàng tồn kho được phản ánh đúng theo giá trị thực tế của nó.

Tuy nhiên, việc áp dụng phương pháp này đòi hỏi những điều kiện khắt khe, chỉ những doanh nghiệp kinh doanh có ít loại mặt hàng, hàng tồn kho có giá trị lớn, mặt hàng ổn định và loại hàng tồn kho nhận diện được thì mới có thể áp dụng được phương pháp này. Còn đối với những doanh nghiệp có nhiều loại hàng thì không thể áp dụng được phương pháp này.

**2. Phương pháp giá bình quân**

Theo phương pháp này giá trị của từng loại hàng tồn kho được tính theo giá trị trung bình của từng loại hàng tồn kho đầu kỳ và giá trị từng loại hàng tồn kho được mua hoặc sản xuất trong kỳ. Phương pháp bình quân có thể được tính theo thời kỳ hoặc vào mỗi khi nhập một lô hàng, phụ thuộc vào tình hình của doanh nghiệp.

**a) Theo giá bình quân gia quyền cả kỳ**

Theo phương pháp này, đến cuối kỳ mới tính trị giá vốn của hàng xuất kho trong kỳ. Tùy theo kỳ dự trữ của doanh nghiệp áp dụng mà kế toán hàng tồn kho căn cứ vào giá nhập, lượng hàng tồn kho đầu kỳ và nhập trong kỳ để tính giá đơn vị bình quân:

$$\text{Đơn giá bình quân của cả kỳ dự trữ} = \frac{\text{Giá thực tế tồn đầu kỳ} + \text{Giá nhập trong kỳ}}{\text{Số lượng tồn đầu kỳ} + \text{Số lượng nhập trong kỳ}}$$

- Ưu điểm: Đơn giản, dễ làm, chỉ cần tính toán một lần vào cuối kỳ.
- Nhược điểm: Độ chính xác không cao, hơn nữa, công việc tính toán dồn vào cuối tháng gây ảnh hưởng đến tiến độ của các phần hành khác. Ngoài ra, phương pháp này chưa đáp ứng yêu cầu kịp thời của thông tin kế toán ngay tại thời điểm phát sinh nghiệp vụ.

**b) Theo giá bình quân gia quyền liên hoàn**

Sau mỗi lần nhập sản phẩm, vật tư, hàng hoá, kế toán phải xác định lại giá trị thực của hàng tồn kho và giá đơn vị bình quân. Giá đơn vị bình quân được tính theo công thức sau:

$$\text{Đơn giá bình quân sau mỗi lần nhập} = \frac{\text{Giá thực tế tồn kho sau mỗi lần nhập}}{\text{Lượng thực tế tồn đầu kho sau mỗi lần nhập}}$$

Phương pháp này có ưu điểm là khắc phục được những hạn chế của phương pháp trên nhưng việc tính toán phức tạp, nhiều lần, tốn nhiều công sức. Do đặc điểm trên mà phương pháp này được áp dụng ở các doanh nghiệp có ít chủng loại hàng tồn kho, có lưu lượng nhập xuất ít.

### 3. Phương pháp FIFO (nhập trước xuất trước)

Phương pháp này áp dụng dựa trên giả định là hàng được mua trước hoặc sản xuất trước thì được xuất trước và giá trị hàng xuất kho được tính theo giá của lô hàng nhập trước hoặc sản xuất trước và thực hiện tuần tự cho đến khi chúng được xuất ra hết.

Phương pháp này giúp cho chúng ta có thể tính được ngay trị giá vốn hàng xuất kho từng lần xuất hàng, do vậy đảm bảo cung cấp số liệu kịp thời cho kế toán ghi chép các khâu tiếp theo cũng như cho quản lý. Trị giá vốn của hàng tồn kho sẽ tương đối sát với giá thị trường của mặt hàng đó. Vì vậy chỉ tiêu hàng tồn kho trên báo cáo kế toán có ý nghĩa thực tế hơn.

Tuy nhiên, phương pháp này có nhược điểm là làm cho doanh thu hiện tại không phù hợp với những khoản chi phí hiện tại. Theo phương pháp này, doanh thu hiện tại được tạo ra bởi giá trị sản phẩm, vật tư, hàng hoá đã có được từ cách đó rất lâu. Đồng thời nếu số lượng chủng loại mặt hàng nhiều, phát sinh nhập xuất liên tục dẫn đến những chi phí cho việc hạch toán cũng như khối lượng công việc sẽ tăng lên rất nhiều.

### 4. Phương pháp LIFO (nhập sau xuất trước)

Theo phương pháp này hàng hóa nào mua vào sau cùng sẽ được xuất trước. Phương pháp này ngược với phương pháp trên chỉ thích hợp với giai đoạn lạm phát.

- Ưu điểm: Với phương pháp này chi phí của lần mua gần nhất tương đối sát với trị giá vốn của hàng thay thế. Việc thực hiện phương pháp này sẽ đảm bảo được yêu cầu của nguyên tắc phù hợp trong kế toán.

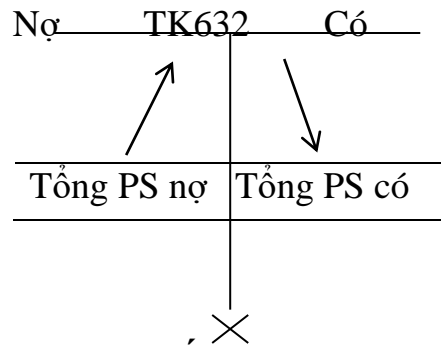
- Nhược điểm: Trị giá vốn của hàng tồn kho cuối kỳ có thể không sát với giá thị trường của hàng thay thế.

**1.2.2.2. Chứng từ sử dụng**

- Phiếu nhập kho
- Phiếu xuất kho

**1.2.2.3. Tài khoản sử dụng**

- Tài khoản 632- Giá vốn hàng bán
- Kết cấu tài khoản 632:



**Số phát sinh tăng bên nợ, số phát sinh giảm bên có**

Bên nợ: Trị giá vốn của sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ bán trong kỳ

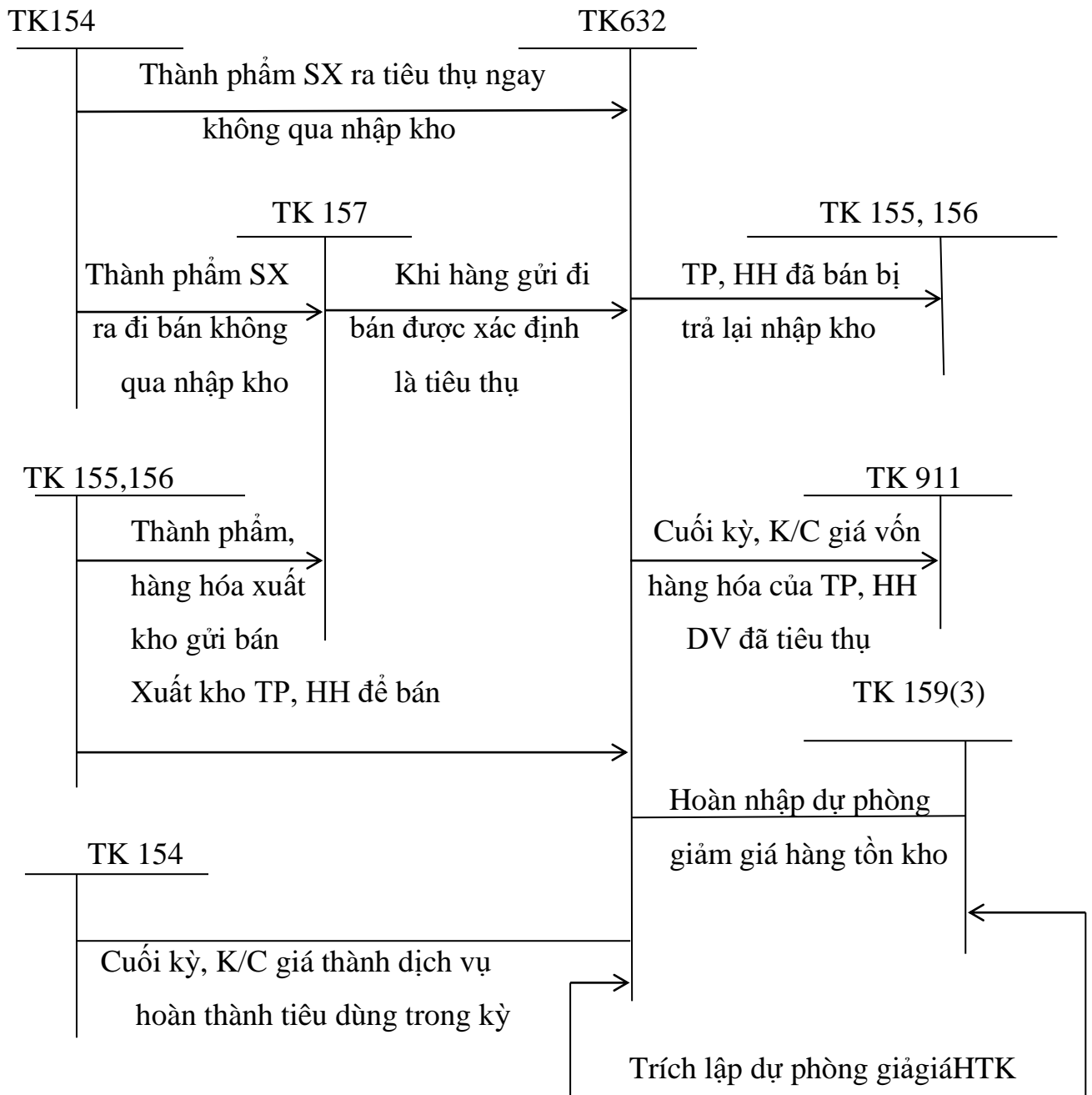
Bên có:

- Trị giá vốn của hàng hóa bị trả lại
- Kết chuyển giá vốn của sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ bán trong kỳ sang tài khoản 911: xác định kết quả kinh doanh.

**Không có số dư cuối kỳ**

**1.2.2.4. Phương pháp hạch toán**

**Sơ đồ:** Hạch toán giá vốn theo phương pháp kê khai thường xuyên.



**1.2.3. Kế toán chi phí quản lý kinh doanh**

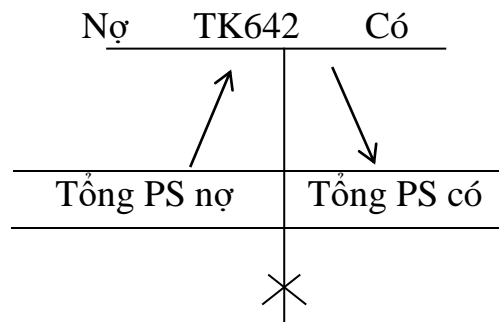
*1.2.3.1. Chứng từ sử dụng*

- Hóa đơn GTGT
- Phiếu xuất kho
- Bảng kê bán lẻ hàng hóa, dịch vụ, bảng thanh toán hàng đại lý
- Thẻ quỹ hàng, giấy nộp tiền, bảng kê nhận hàng và thanh toán hàng ngày
- Phiếu thu, giấy báo có
- Bảng thanh toán tiền lương, bảng thanh toán BHXH, bảng phân bổ tiền lương – BHXH để phản ánh chi phí về nhân viên quản lý.
- Bảng phân bổ vật liệu – công cụ dụng cụ, phiếu xuất kho... để phản ánh chi phí về vật liệu, công cụ xuất dùng cho quản lý.
- Bảng trích khấu hao TSCĐ: để phản ánh chi phí khấu hao TSCĐ dùng cho quản lý
- Các hóa đơn dịch vụ, phiếu chi, giấy báo nợ... để phản ánh các khoản chi phí về dịch vụ mua ngoài hay chi khác bằng tiền
- Các chứng từ khác có liên quan khác

*1.2.3.2. Tài khoản sử dụng*

- Tài khoản 642: chi phí quản lý kinh doanh

- Kết cấu tài khoản



Bên nợ: Các khoản ghi tăng chi phí quản lý kinh doanh phát sinh trong kỳ

Bên có: Các chi phí giảm chi phí quản lý kinh doanh trong kỳ

**Cuối kỳ không có số dư.**

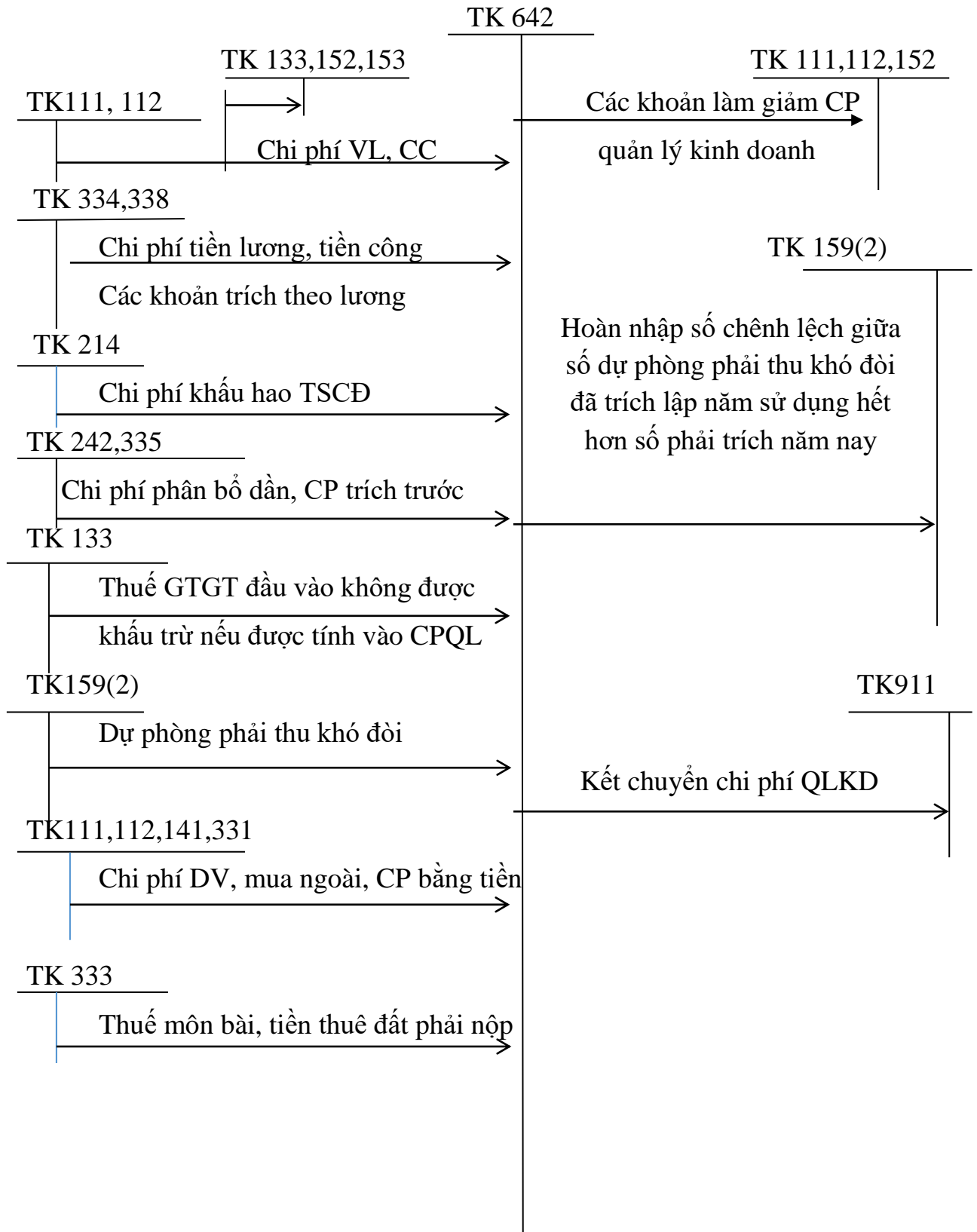
- Tài khoản cấp 2

+ TK6421: Chi phí bán hàng

+ TK6422: Chi phí quản lý doanh nghiệp

**1.2.3.3. Phương pháp hạch toán**

**Sơ đồ:** Hạch toán chi phí quản lý kinh doanh.



**1.2.4. Kế toán doanh thu hoạt động tài chính và chi phí hoạt động tài chính**

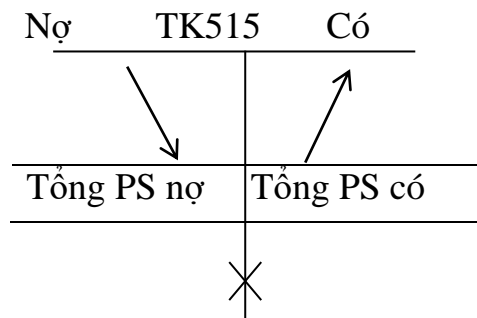
**1.2.4.1. Chứng từ sử dụng**

- ❖ Doanh thu hoạt động tài chính
  - Phiếu thu
  - Giấy báo có
- ❖ Chi phí hoạt động tài chính
  - Phiếu chi
  - Giấy báo nợ

**1.2.4.2. Tài khoản sử dụng**

\* TK 515: Doanh thu hoạt động tài chính

Kết cấu tài khoản 515:



**Số phát sinh giảm bên nợ, số phát sinh tăng bên có.**

Bên nợ:

- Giảm do nộp thuế GTGT theo phương pháp trực tiếp
- Kết chuyển doanh thu hoạt động tài chính thuần sang TK 911: Xác định kết quả kinh doanh

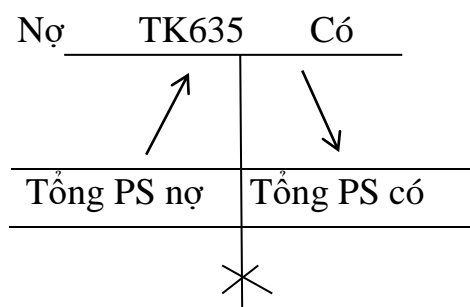
Bên có:

Tăng do nhượng bán từ các khoản đầu tư vào công ty liên doanh, công ty liên kết... doanh thu hoạt động tài chính khác phát sinh trong kỳ

**Không có số dư cuối kỳ**

\*TK 635: Chi phí hoạt động tài chính

Kết cấu tài khoản 635





**Số phát sinh tăng bên nợ, số phát sinh giảm bên có**

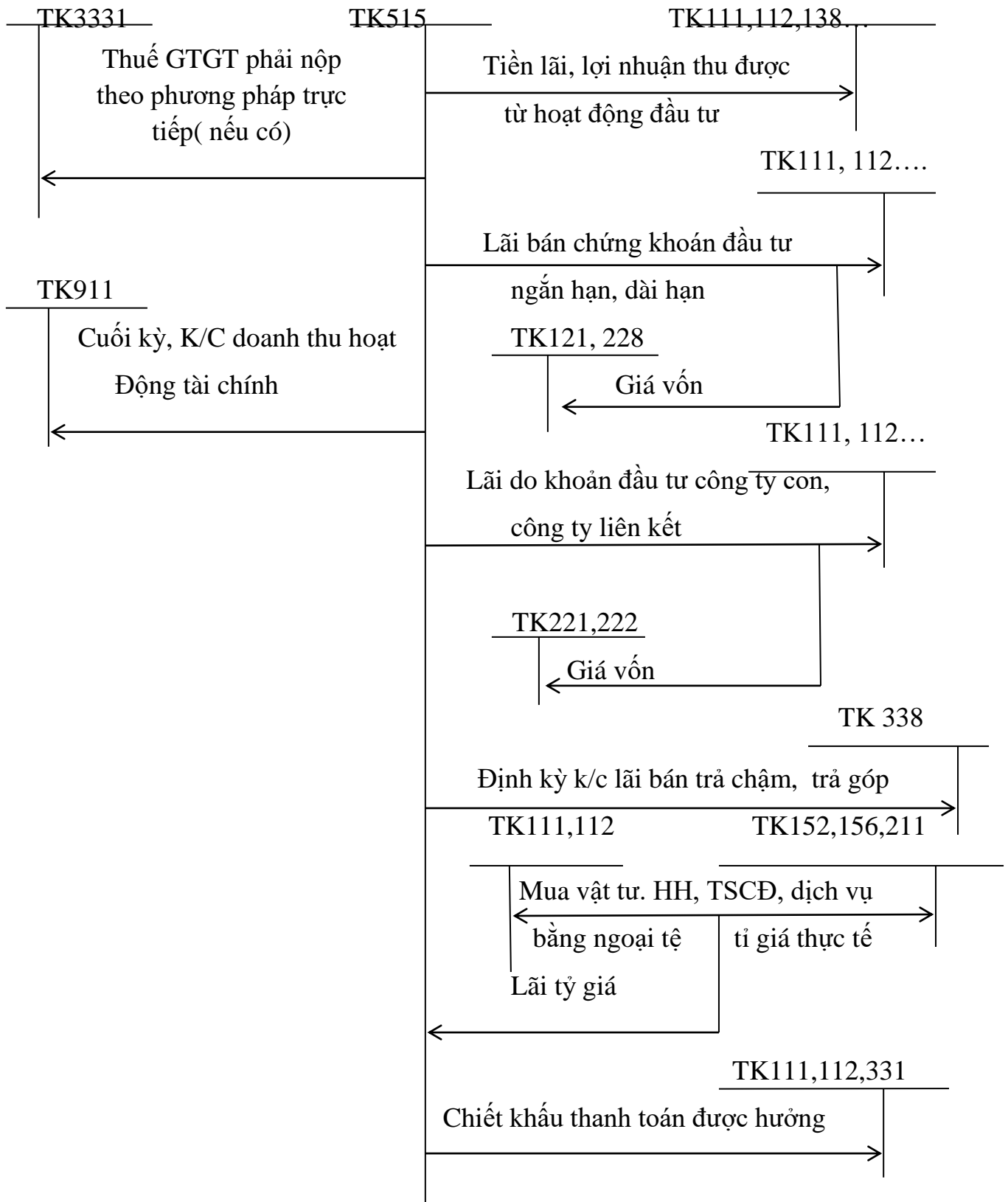
Bên nợ: Các chi phí lãi vay tiền, lãi mua hàng trả chậm, lỗ bán ngoại tệ, chiết khấu thanh toán cho người mua...

Bên có: Cuối kỳ kế toán năm kết chuyển toàn bộ chi phí tài chính phát sinh trong kỳ để xác định kết quả kinh doanh.

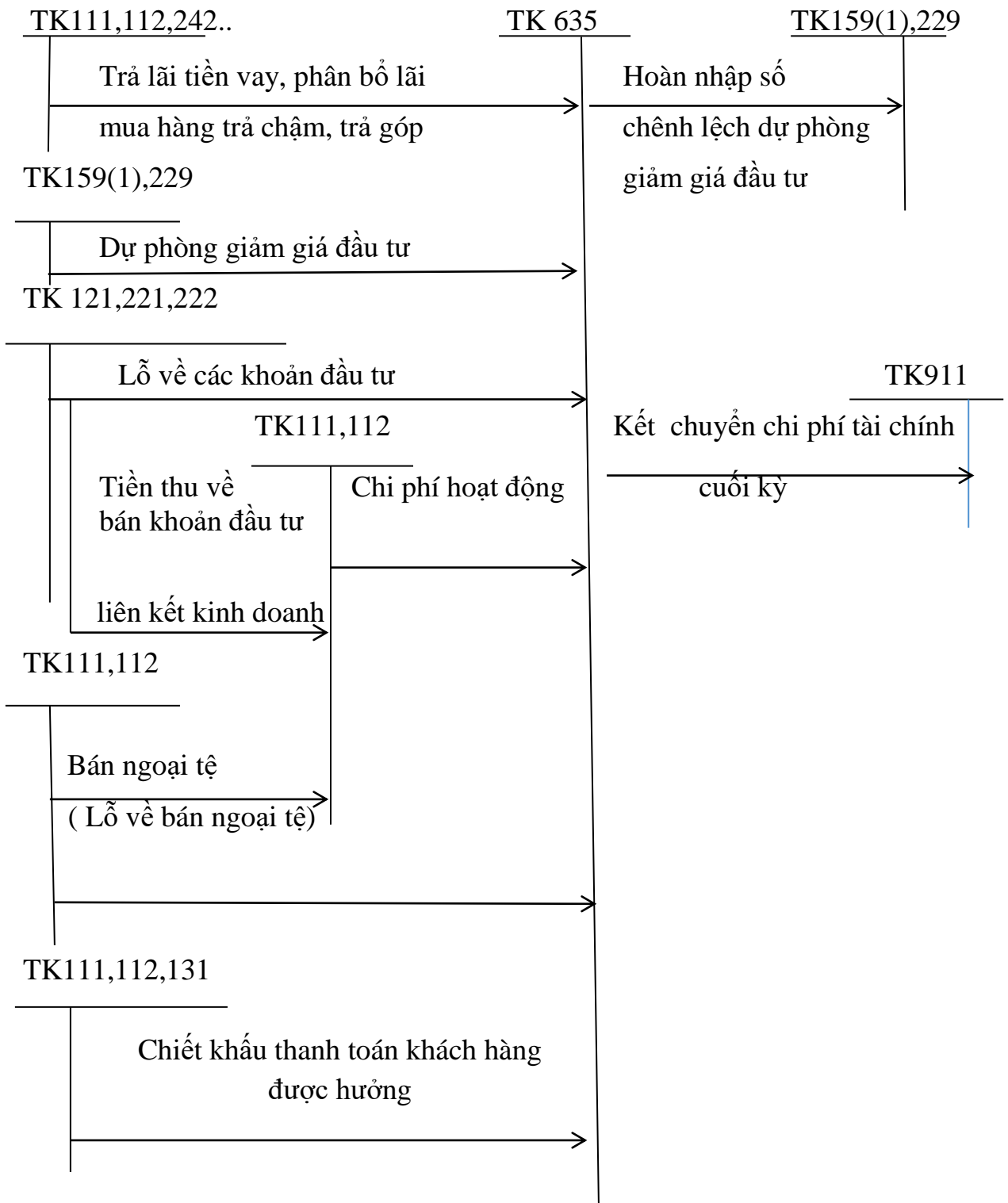
**Không có số dư cuối kỳ.**

*1.2.4.3. Phương pháp hạch toán*

**Sơ đồ:** Hạch toán doanh thu hoạt động tài chính.



**Sơ đồ:** Hạch toán chi phí hoạt động tài chính.



**1.2.5. Kế toán thu nhập hoạt động khác và chi phí hoạt động khác**

**1.2.5.1. Chứng từ sử dụng**

- Hóa đơn GTGT/Hóa đơn bán hàng
- Biên bản vi phạm hợp đồng, biên bản thanh lý hợp đồng
- Quyết định thanh lý/nhượng bán TSCĐ
- Các chứng từ khác có liên quan

**1.2.5.2. Tài khoản sử dụng**

- TK711: Thu nhập hoạt động khác

Kết cấu tài khoản

Nợ	Có
TK711	TK711
↓	↑
Tổng PS nợ	Tổng PS có



**Số phát sinh giảm bên nợ, số phát sinh tăng bên có**

Bên nợ:

- Số thuế GTGT phải nộp theo phương pháp trực tiếp đối với các khoản thu nhập khác
- Cuối kỳ kết chuyển các khoản thu nhập khác phát sinh trong kỳ sang TK911

Bên có:

Các khoản thu nhập khác phát sinh trong kỳ

**Không có số dư cuối kỳ.**

- TK811: Chi phí hoạt động khác

Kết cấu tài khoản

Nợ	Có
TK811	TK811
↑	↓
Tổng PS nợ	Tổng PS có



**Số phát sinh tăng bên nợ, số phát sinh giảm bên có**

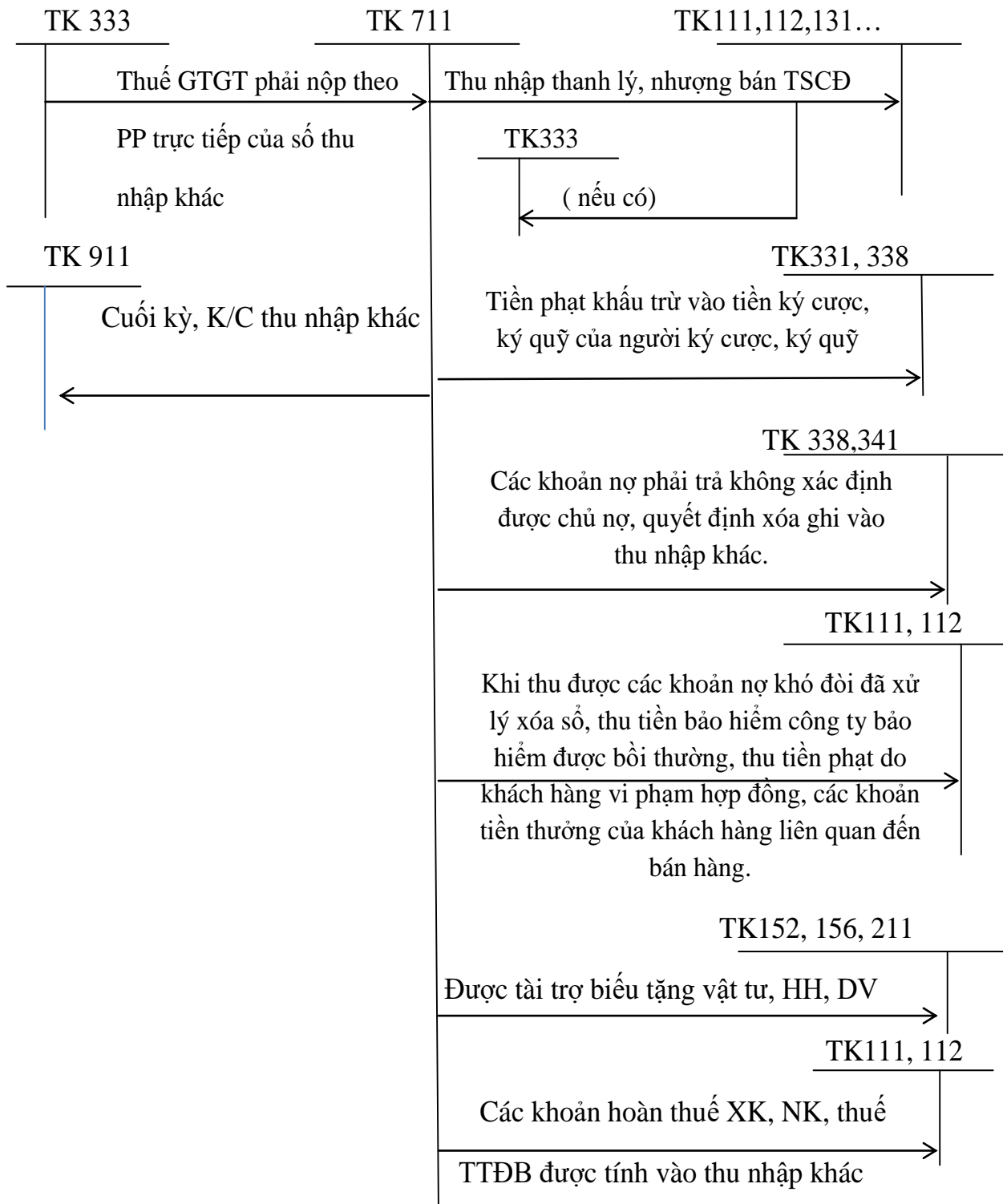
Bên nợ: Các khoản chi phí khác phát sinh trong kỳ

Bên có: Cuối kỳ kết chuyển toàn bộ chi phí khác vào TK 911 để xác định kết quả kinh doanh.

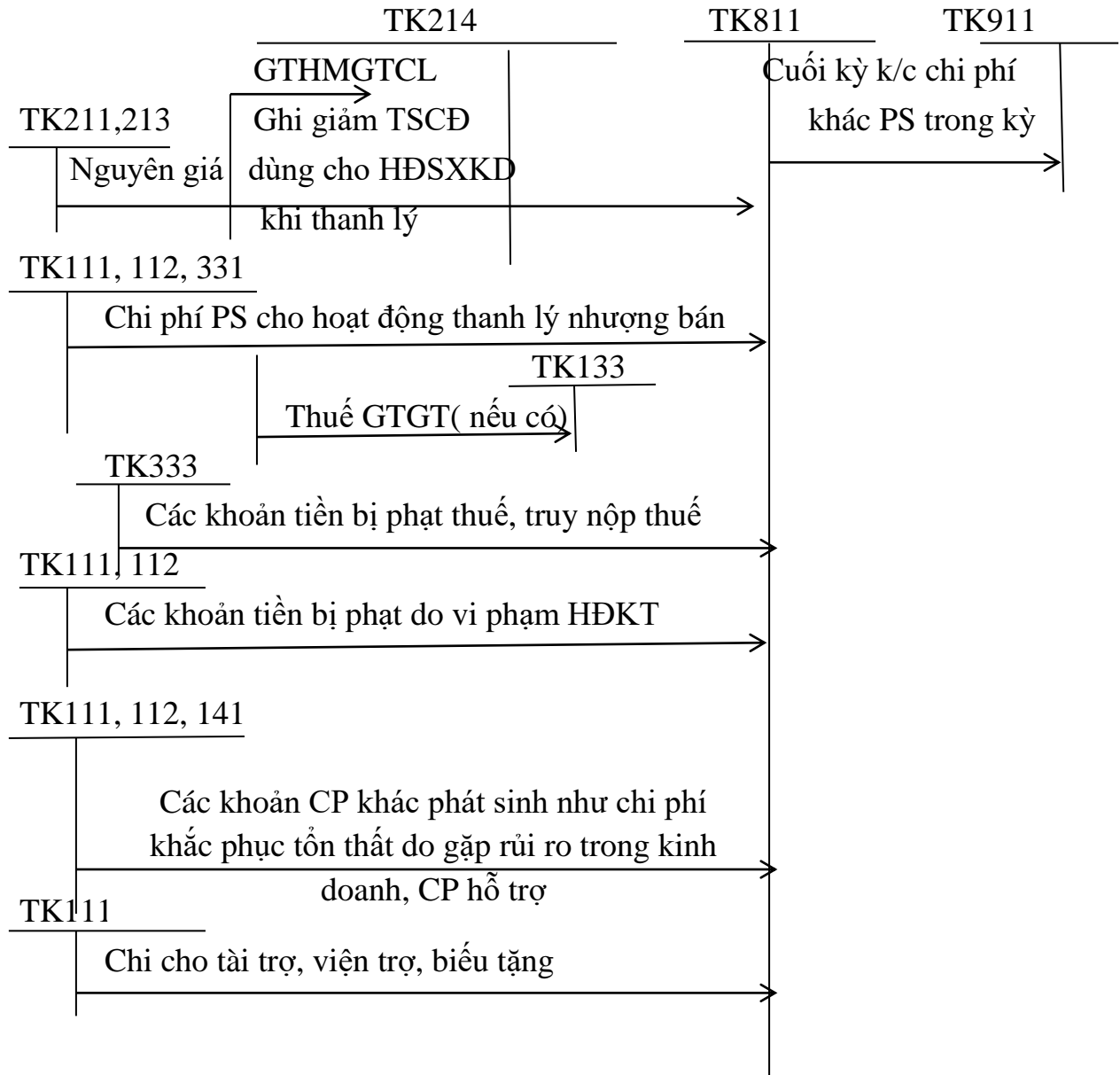
**Không có số dư cuối kỳ**

**1.2.5.3. Phương pháp hạch toán**

**Sơ đồ:** Hạch toán thu nhập khác.



**Sơ đồ:** Hạch toán chi phí khác.



**1.2.6. Kế toán xác định kết quả các hoạt động kinh doanh**

**1.2.6.1. Chứng từ sử dụng**

- Phiếu thu
- Phiếu chi
- Bảng cân đối kế toán
- Bảng lưu chuyển tiền tệ....
- Và các chứng từ liên quan khác

**1.2.6.2. Tài khoản sử dụng**

Tài khoản 911

Bên Nợ:

- Trị giá vốn của sản phẩm, hàng hoá, bất động sản đầu tư và dịch vụ đã

bán

- Chi phí hoạt động tài chính, chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp và chi phí khác

- Chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp

- Kết chuyển lãi.

Bên Có:

- Doanh thu thuần về số sản phẩm, hàng hoá, bất động sản đầu tư và dịch vụ đã bán trong kỳ

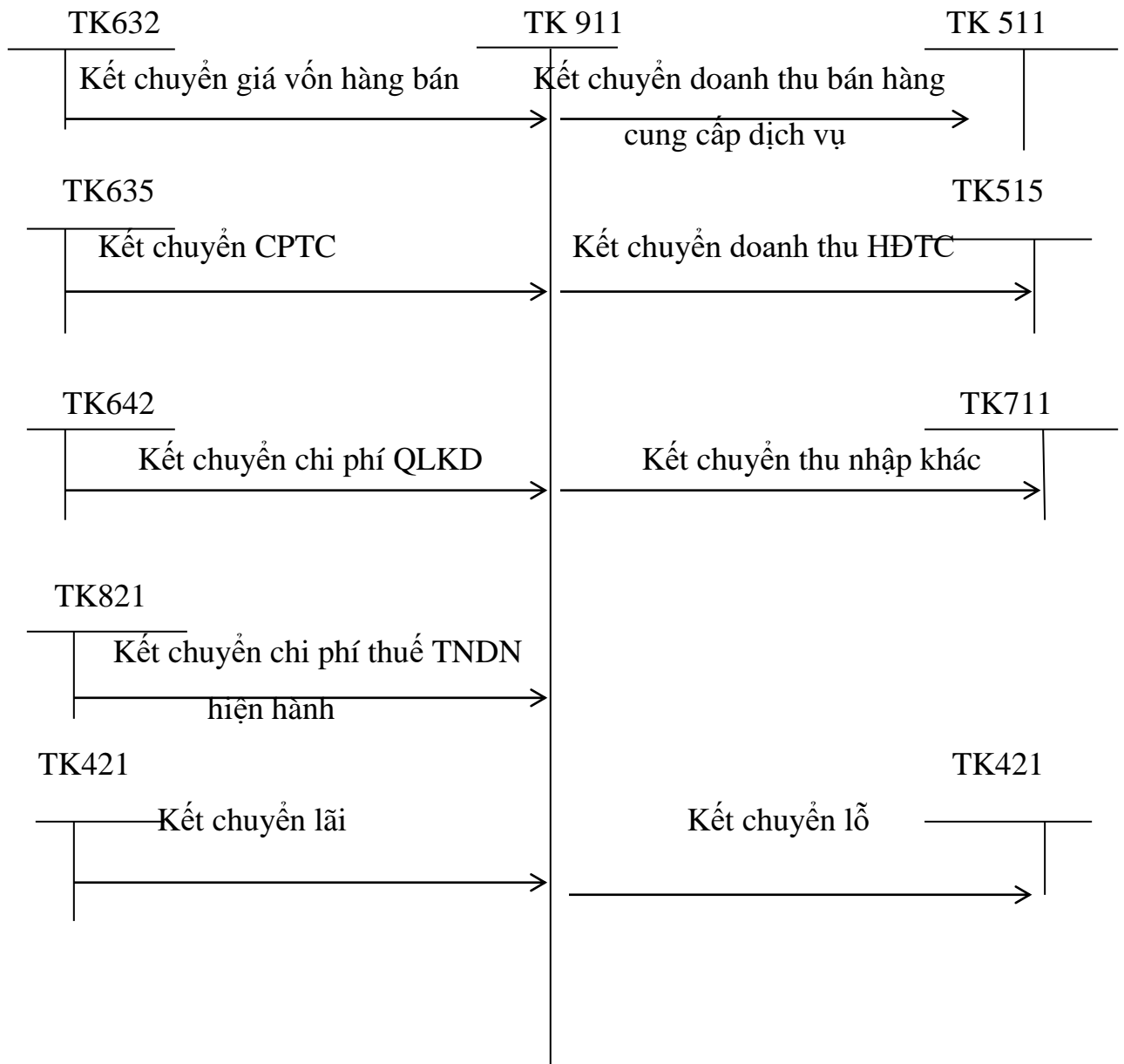
- Doanh thu hoạt động tài chính, các khoản thu nhập khác và khoản ghi giảm chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp

- Kết chuyển lỗ.

Tài khoản 911 không có số dư cuối kỳ.

### *1.2.6.3. Phương pháp hạch toán*

**Sơ đồ:** Hạch toán kế toán xác định kết quả kinh doanh.





**1.2.7. Hạch toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh qua các hình thức kế toán**

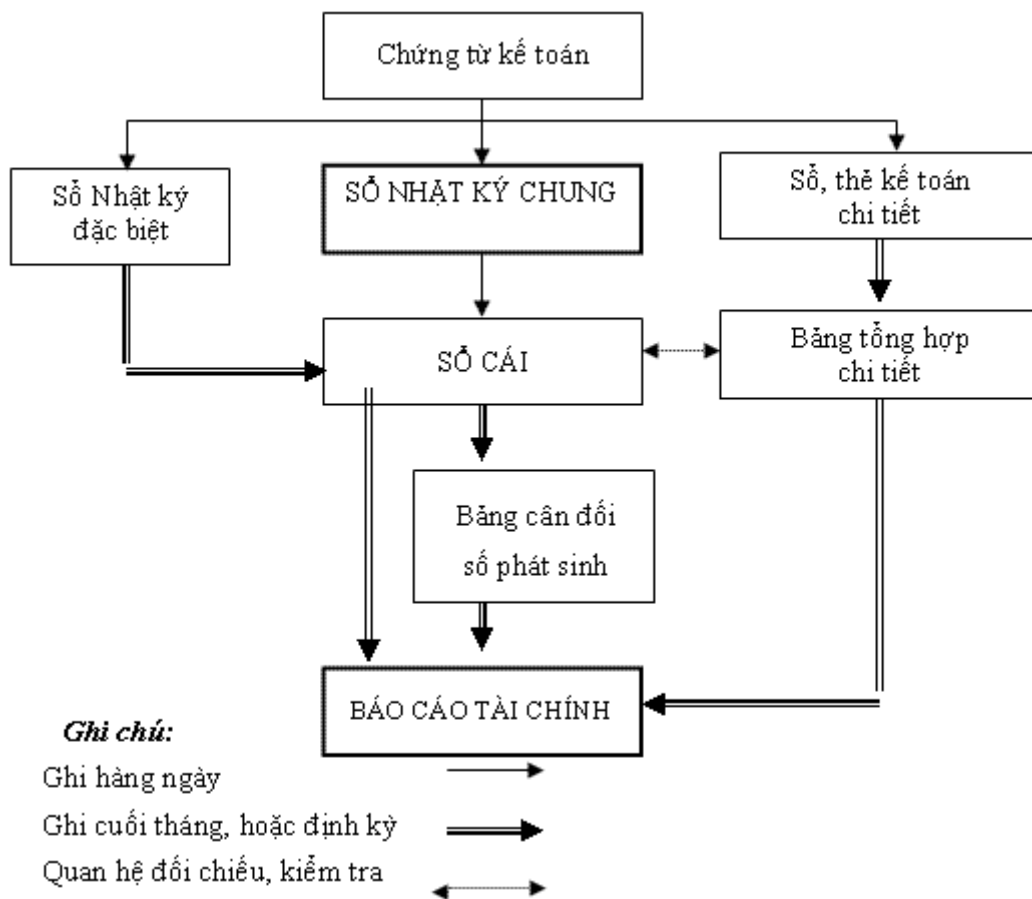
**1.2.7.1. Hình thức kế toán Nhật ký chung**

-Đặc trưng cơ bản của hình thức kế toán Nhật ký chung: Tất cả các nghiệp vụ kinh tế, tài chính phát sinh đều phải được ghi vào sổ Nhật ký, mà trọng tâm là sổ Nhật ký chung, theo trình tự thời gian phát sinh và theo nội dung kinh tế (định khoản kế toán) của nghiệp vụ đó. Sau đó lấy số liệu trên các sổ Nhật ký để ghi Sổ Cái theo từng nghiệp vụ phát sinh.

-Hình thức kế toán Nhật ký chung gồm các loại sổ chủ yếu sau:

- Sổ Nhật ký chung, Sổ Nhật ký đặc biệt;
- Sổ Cái;
- Các sổ, thẻ kế toán chi tiết.

**Trình tự ghi sổ kế toán theo hình thức kế toán Nhật ký chung**



**1.2.7.2. Hình thức kế toán nhật ký sổ cái**

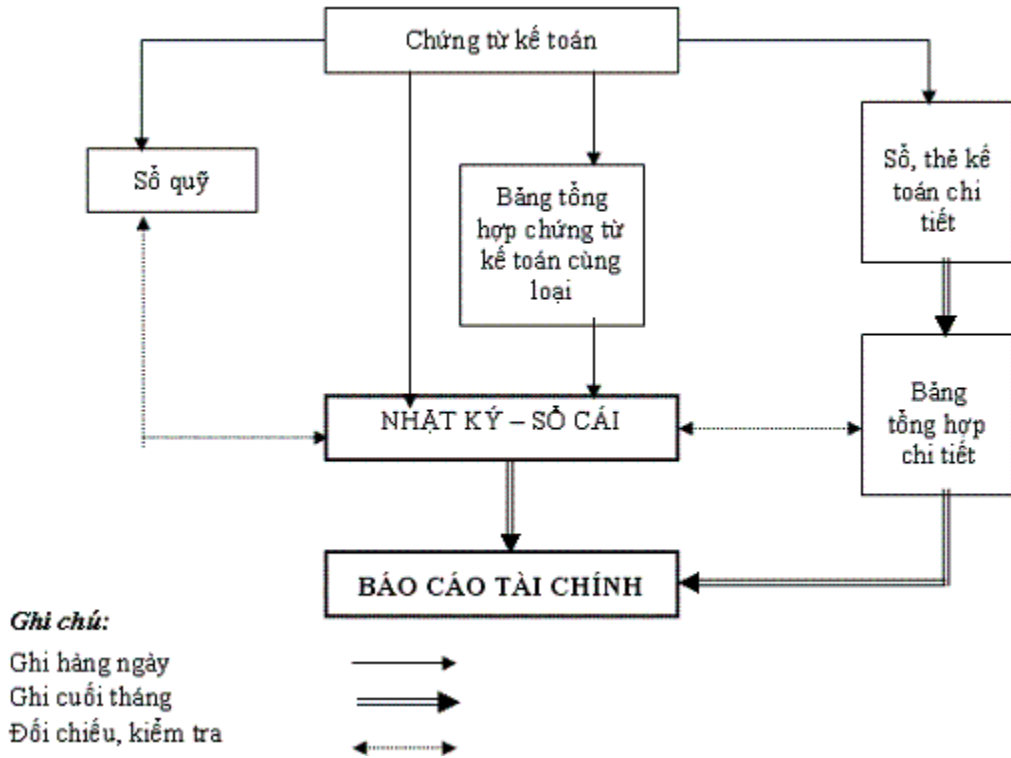
Đặc trưng cơ bản của hình thức kế toán Nhật ký - Sổ Cái: Các nghiệp vụ kinh tế, tài chính phát sinh được kết hợp ghi chép theo trình tự thời gian và theo nội dung kinh tế (theo tài khoản kế toán) trên cùng một quyển sổ kế toán tổng hợp

duy nhất là sổ Nhật ký - Sổ Cái. Căn cứ để ghi vào sổ Nhật ký - Sổ Cái là các chứng từ kế toán hoặc Bảng tổng hợp chứng từ kế toán cùng loại.

Hình thức kế toán Nhật ký - Sổ Cái gồm có các loại sổ kế toán sau:

- Nhật ký - Sổ Cái;
- Các Sổ, Thẻ kế toán chi tiết.

**Trình tự ghi sổ kế toán theo hình thức kế toán Nhật ký - Sổ Cái**



**1.2.7.3. Hình thức kế toán Chứng từ ghi sổ**

Đặc trưng cơ bản của hình thức kế toán Chứng từ ghi sổ: Căn cứ trực tiếp để ghi sổ kế toán tổng hợp là “Chứng từ ghi sổ”. Việc ghi sổ kế toán tổng hợp bao gồm:

- + Ghi theo trình tự thời gian trên Sổ Đăng ký Chứng từ ghi sổ.
- + Ghi theo nội dung kinh tế trên Sổ Cái.

Chứng từ ghi sổ do kế toán lập trên cơ sở từng chứng từ kế toán hoặc Bảng Tổng hợp chứng từ kế toán cùng loại, có cùng nội dung kinh tế.

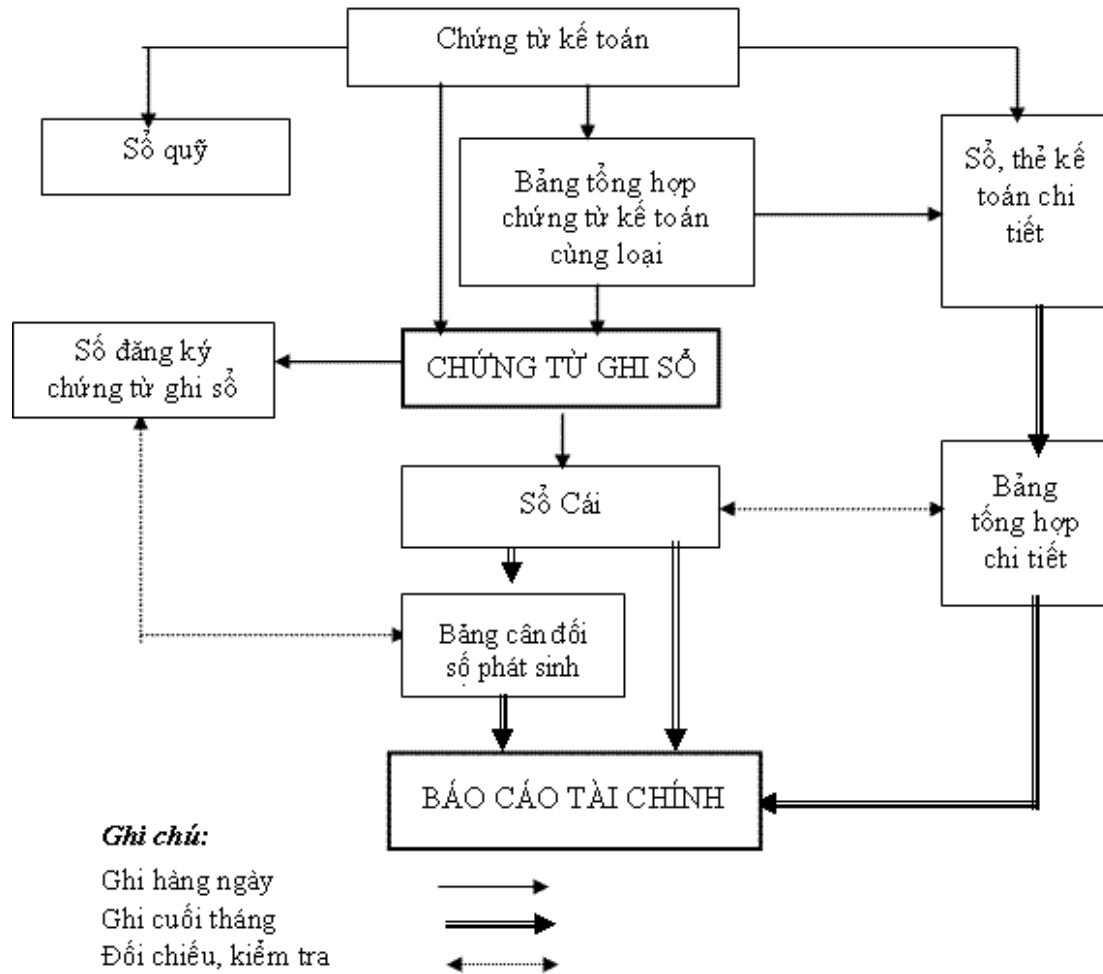
Chứng từ ghi sổ được đánh số hiệu liên tục trong từng tháng hoặc cả năm (theo số thứ tự trong Sổ Đăng ký Chứng từ ghi sổ) và có chứng từ kế toán đính kèm, phải được kế toán trưởng duyệt trước khi ghi sổ kế toán.

Hình thức kế toán Chứng từ ghi sổ gồm có các loại sổ kế toán sau:

- Chứng từ ghi sổ;
- Sổ Đăng ký Chứng từ ghi sổ;

- Sổ Cái;
- Các Sổ, Thẻ kế toán chi tiết.

Trình tự ghi sổ



- ▶ Kết hợp chặt chẽ việc ghi chép các nghiệp vụ kinh tế phát sinh theo trình tự thời gian với việc hệ thống hoá các nghiệp vụ theo nội dung kinh tế (theo tài khoản).
- ▶ Kết hợp rộng rãi việc hạch toán tổng hợp với hạch toán chi tiết trên cùng một sổ kế toán và trong cùng một quá trình ghi chép.

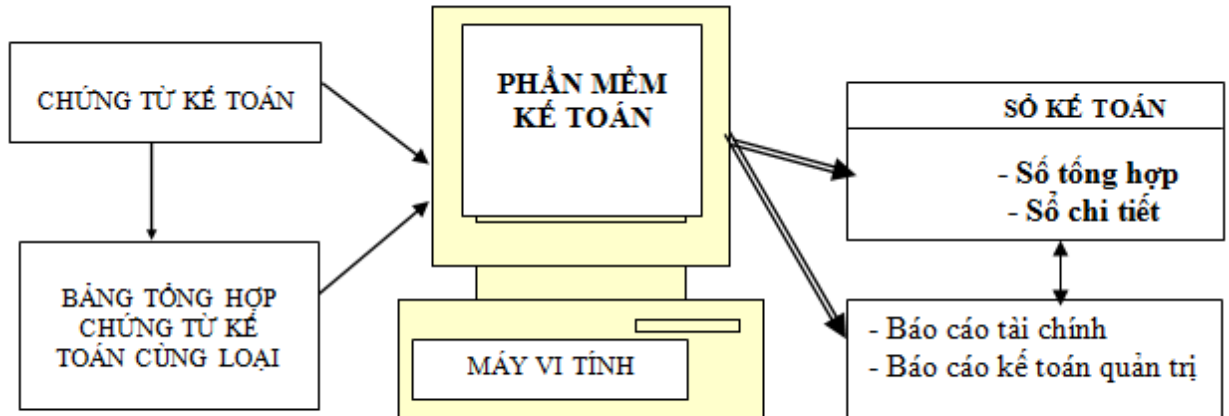
**1.2.7.4. Hình thức kế toán trên máy vi tính**

-Đặc trưng cơ bản của Hình thức kế toán trên máy vi tính là công việc kế toán được thực hiện theo một chương trình phần mềm kế toán trên máy vi tính. Phần mềm kế toán được thiết kế theo nguyên tắc của một trong bốn hình thức kế toán hoặc kết hợp các hình thức kế toán quy định trên đây. Phần mềm kế toán không hiển thị đầy đủ quy trình ghi sổ kế toán, nhưng phải in được đầy đủ sổ kế toán và báo cáo tài chính theo quy định.

**Các loại sổ của Hình thức kế toán trên máy vi tính:**

Phần mềm kế toán được thiết kế theo Hình thức kế toán nào sẽ có các loại sổ của hình thức kế toán đó nhưng không hoàn toàn giống mẫu sổ kế toán ghi bằng tay.

**Trình tự ghi sổ kế toán theo Hình thức kế toán trên máy vi tính**



**Ghi chú:**

Nhập số liệu hàng ngày

In sổ, báo cáo cuối tháng, cuối năm

Đối chiếu, kiểm tra



## **CHƯƠNG 2: THỰC TRẠNG CÔNG TÁC KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TẠI CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI QUẾ PHÒNG**

### **2.1. Tổng quan về Công ty Cổ phần Thương mại Quế Phòng**

#### **2.1.1. Quá trình hình thành phát triển**

- Tên tiếng Việt: CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI QUẾ PHÒNG
- Tên giao dịch: QUE PHONG JSC
- Trụ sở chính: Số 52 Đường Hà Nội, phường Sở Dầu, quận Hồng Bàng, thành phố Hải Phòng.
- Điện thoại: 031. 357 0720.
- Fax: 031.359 3073 .
- Website:
- Email:
- Mã số thuế: 0200572614
- Công ty Cổ phần Thương mại Quế Phòng được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh công ty cổ phần số 0200572614 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hải Phòng cấp lần đầu ngày 25/11/2003, đăng ký thay đổi lần thứ 4 ngày 15 tháng 04 năm 2014.

#### **2.1.2. Ngành nghề kinh doanh**

<b>STT</b>	<b>Tên ngành</b>	<b>Mã ngành</b>
1	Bán buôn kim loại và quặng kim loại Chi tiết: Bán buôn sắt, thép	4664(chính)
2	Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng Chi tiết: bán buôn tre, nứa, gỗ cây và gỗ chế biến; bán buôn xi măng; bán buôn gạch xây; ngói; đá; cát; sỏi; bán buôn kính xây dựng; bán buôn đồ ngũ kim, hàng kim khí	4663
3	Bán buôn ô tô và xe có động cơ khác	4511
4	Bán lẻ ô tô con (loại 12 chỗ ngồi trở xuống)	4512
5	Đại lý ô tô và xe có động cơ khác	4513
6	Bán phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của ô tô và xe có động cơ khác	4530
7	Bán mô tô, xe máy	4541
8	Bán phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của mô tô, xe máy	4543
9	Bận tải hàng hóa bằng đường bộ	4933
10	Kho bãi và lưu giữ hàng hóa	5210
11	Bốc xếp hàng hóa	5224
12	Dịch vụ lưu trú ngắn ngày	5510

	Chi tiết: khách sạn	
13	Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động Chi tiết: nhà hàng, quán ăn hàng ăn uống (trừ quầy bar)	5610
14	Đại lý du lịch	7911
15	Điều hành tour du lịch	7912
16	Dịch vụ hỗ trợ liên quan đến quảng bá và tổ chức tour du lịch	7920
17	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường sắt và đường bộ	5221
18	Gia công cơ khí; xử lý và tráng phủ kim loại	2592
19	Sản xuất các cấu kiện kim loại	2511
20	Sản xuất thùng, bể chứa và dụng cụ chứa đựng bằng kim loại	2512
21	Bán lẻ đồ ngũ kim, sơn, kính và thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng trong các cửa hàng chuyên doanh Chi tiết: bán lẻ đồ ngũ kim trong các cửa hàng chuyên doanh; bán lẻ sơn, màu, véc ni trong các cửa hàng chuyên doanh; bán lẻ kính xây dựng trong các cửa hàng chuyên doanh; bán lẻ xi măng, gạch xây, ngói đá, cát sỏi và vật liệu xây dựng khác trong các cửa hàng chuyên doanh; bán lẻ gạch ốp lát, thiết bị vệ sinh trong các cửa hàng chuyên doanh	4752
22	Bảo dưỡng, sửa chữa ô tô và xe có động cơ khác	4520
23	Bảo dưỡng và sửa chữa mô tô, xe máy	4542
24	Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác Chi tiết: bán buôn máy móc, thiết bị điện, vật liệu điện (máy phát điện, động cơ điện, dây điện và thiết bị khác dùng trong mạch điện)	4659
25	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu Chi tiết: dịch vụ xuất nhập khẩu hàng hóa	8299
26	Bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu (trừ gỗ, tre, nứa) và động vật sống Chi tiết: thức ăn và nguyên liệu làm thức ăn cho gia súc, gia cầm và thủy sản	4620
27	Sản xuất phân bón và hợp chất ni tơ	2012
28	Đóng tàu và cấu kiện nổi	3011
29	Đóng thuyền, xuồng thể thao và giải trí	3012
30	Sửa chữa và bảo dưỡng phương tiện vận tải (trừ ô tô, mô tô, xe máy và xe có động cơ khác)	3315

**2.1.3. Chức năng nhiệm vụ của công ty**

**2.1.4. Cơ cấu tổ chức**

-**Giám đốc:** Điều hành chính toàn bộ các mặt hoạt động của toàn công ty, trực tiếp phụ trách công tác tài chính kế toán và tổ chức của công ty.

-**Phó giám đốc:** Có trách nhiệm tham mưu cho giám đốc trong hoạt động sản xuất kinh doanh, tổ chức quản lý nguồn lực công ty, chỉ đạo sản xuất,...

- **Các phòng ban:** Gồm các phòng ban với các chức năng và nhiệm vụ riêng biệt như sau:

☛ **Phòng Tài chính – Kế toán:** Tham mưu cho giám đốc chỉ đạo các đơn vị thực hiện các chế độ quản lý tài chính tiền tệ theo quy định của Bộ tài chính, ghi chép phản ánh chính xác, kịp thời và có hệ thống sự diễn biến của các nguồn vốn, vốn vay, giải quyết các loại vốn phục vụ cho việc sản xuất, tổng hợp kế quả hoạt động sản xuất kinh doanh, lập báo cáo tài chính...

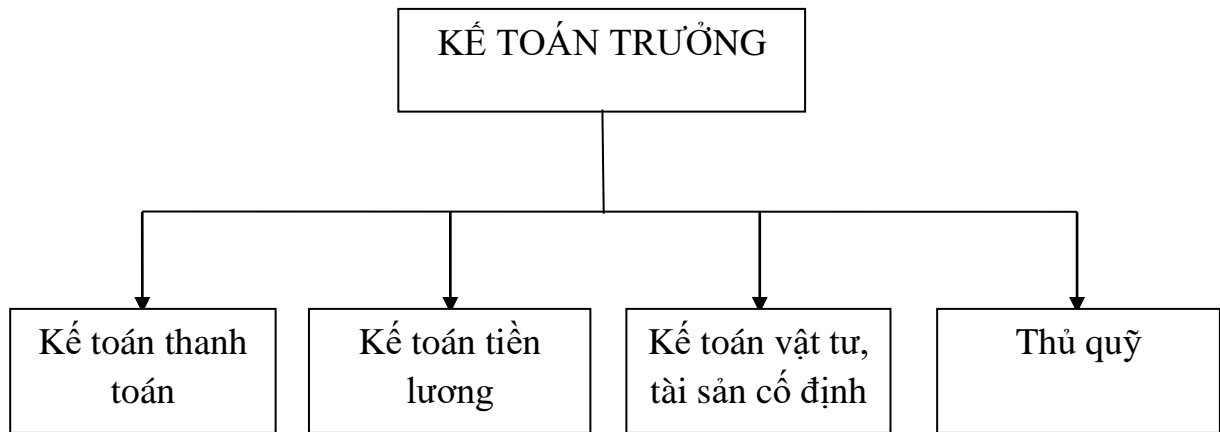
☛**Phòng Kế hoạch:** Quản lý, theo dõi việc mua bán vật tư theo đúng thời điểm, chủng loại, số lượng, giá thành hợp lý và làm thủ tục nhập, xuất kho theo đúng trình tự quy định của công ty; Có trách nhiệm phải hoàn thành kế hoạch, đơn hàng, hợp đồng sản xuất của phòng Kinh tế thị trường chuyển giao và chịu sự giám sát, kiểm tra về chất lượng sản phẩm, chủng loại, thời gian giao hàng của phòng Kinh tế thị trường.

**2.1.5. Tổ chức kế toán công ty**

**2.1.5.1. Tổ chức bộ máy kế toán của công ty**

Mô hình kế toán của Công ty Cổ phần Thương mại Quế Phòng là mô hình kế toán tập trung.

Trong phòng Tài chính – Kế toán, mỗi cán bộ kế toán phụ trách theo dõi một vài tài khoản có liên quan tới phần hành của mình. Cuối tháng kế toán tổng hợp chi phí, tính giá thành sản xuất của từng công trình xây dựng, hoạt động kinh doanh, xác định doanh thu...



- **Kế toán trưởng** : tham mưu cho giám đốc công ty toàn bộ các vấn đề có liên quan đến hoạt động của phòng.
  - + Kiểm tra, hướng dẫn việc thực hiện công tác kế toán của các phân hành đảm bảo đúng theo các quy định của chế độ tài chính kế toán;
  - + Chịu trách nhiệm về toàn bộ công tác kế toán tài chính tại đơn vị;
  - + Tổ chức điều hành bộ máy kế toán theo quy định của luật;
  - + Lập các Báo cáo kế toán.
- **Kế toán thanh toán**

Nhiệm vụ của bộ phận kế toán này là theo dõi, phản ánh chi tiết các nhiệm vụ liên quan đến tiền mặt, tiền gửi ngân hàng, tiền vay, tình hình thanh toán với người bán, thanh toán tạm ứng. Sau khi thực hiện các bút toán ghi trên sổ chi tiết phải thực hiện lưu trữ các chứng từ thuộc phần hành kế toán của mình. Cuối kì lập bảng tổng hợp.
- **Kế toán vật tư và tài sản cố định**

Nhiệm vụ của bộ phận kế toán vật tư TSCĐ là theo dõi, phản ánh chi tiết các nghiệp vụ kinh tế liên quan đến quá trình nhập, xuất vật liệu, dụng cụ cho hoạt động sản xuất và quản lý; thực hiện việc ghi chép tình hình tăng, giảm TSCĐ; vào thẻ TSCĐ, sổ TSCĐ của toàn công ty cũng như nơi sử dụng. Ghi chép, phản ánh tình hình sửa chữa TSCĐ...thực hiện lưu trữ các chứng từ thuộc phần hành kế toán của mình. Cuối kì lập bảng tổng hợp chi tiết để đối chiếu với kế toán tổng hợp.
- **Kế toán tiền lương**

Nhiệm vụ của bộ phận này là tính toán tiền lương phải trả các bộ phận và toàn công ty dựa trên cơ sở các thông tin thu nhận, tổng hợp và đã xử lý ở phòng tổ chức : tính trích BHXH, BHYT và KPCĐ; thanh quyết toán với cơ quan quản



lý quỹ có liên quan; thực hiện lưu trữ các chứng từ có liên quan đến kế toán tiền lương và các khoản trích theo lương. Cuối kỳ lập bảng tổng hợp chi tiết để đối chiếu với kế toán tổng hợp.

• **Thủ quỹ**

Quản lý các khoản tiền mặt của công ty, chịu trách nhiệm quản lý, xuất, nhập quỹ tiền mặt và lập báo cáo quỹ tiền mặt theo quy định.

2.1.5.2. *Chế độ và chính sách kế toán của công ty*

-**Chế độ kế toán áp dụng:** Doanh nghiệp áp dụng chế độ toán doanh nghiệp ban hành theo Quyết định số 48/2006/QĐ-BTC ngày 14/9/2006 của Bộ trưởng BTC

-**Niên độ kế toán:** từ ngày 01/01 đến ngày 31/12 dương lịch hàng năm.

-**Đơn vị tiền tệ:** Đồng Việt Nam (VND).

-**Phương pháp kế toán hàng tồn kho** phương pháp kê khai thường xuyên.

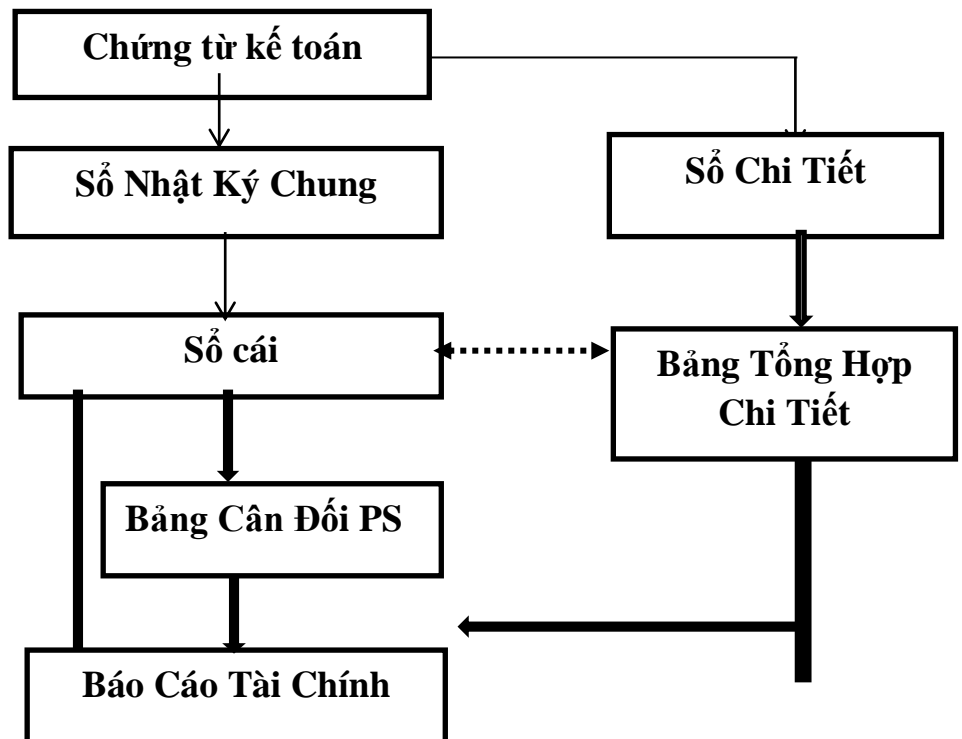
-**Phương pháp tính giá trị hàng xuất kho:** Phương pháp thực tế đích danh.

-**Phương pháp tính Khấu hao tài sản cố định:** Khấu theo phương pháp đường thẳng

-**Phương pháp tính thuế GTGT:** phương pháp khấu trừ

-**Hình thức kế toán:** Công ty áp dụng hình thức kế toán Nhật ký chung.

- **Sơ đồ : Trình tự ghi sổ kế toán theo hình thức kế toán Nhật ký chung**



Ghi chú:

Ghi hàng ngày:



Ghi cuối tháng:



Quan hệ đối chiếu so sánh:



**2.2. Thực trạng công tác kế toán DT, CP và XĐKQKD tại công ty Cổ phần Thương mại Quế Phòng**

**2.2.1. Kế toán doanh thu bán hàng tại công ty Cổ phần Thương mại Quế Phòng**

**2.2.1.1. Chứng từ và tài khoản sử dụng**

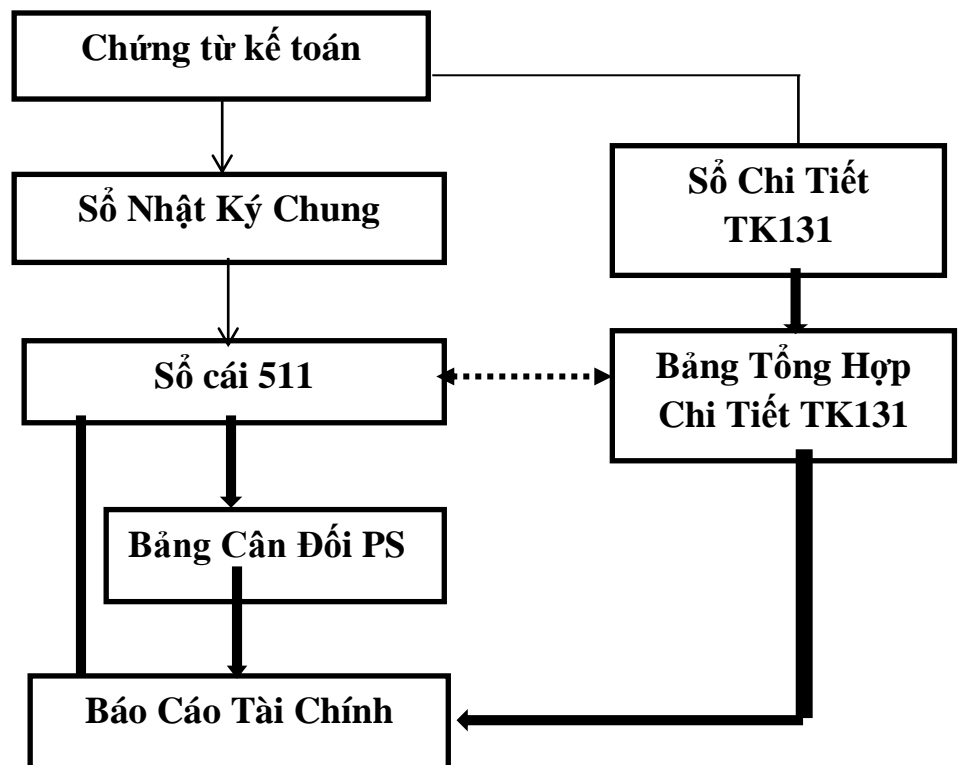
*\*Chứng từ sử dụng:*

- Hóa đơn GTGT, hợp đồng thương mại, biên bản giao nhận
- Phiếu thu, giấy ủy nhiệm thu, giấy báo có
- Và các chứng từ liên quan khác

*\*Tài khoản sử dụng:*

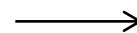
- TK 511 – Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ
- TK 131 – Phải thu khách hàng
- TK 111 – Tiền mặt
- TK 112 – Tiền gửi ngân hàng
- TK 333 – Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước
- Và các tài khoản có liên quan khác

**2.2.1.2. Quy trình hạch toán**



Ghi chú:

Ghi hàng ngày:



Ghi cuối tháng:



Quan hệ đối chiếu so sánh:



***2.2.1.3. Ví dụ thực tế tại công ty***

***Ví dụ 1. Ngày 3/12/2015 công ty bán 1 tấn thép tấm đơn giá 13.000/kg và 2 tấn thép tròn đơn giá 15.000/kg ( chưa bao gồm thuế suất thuế GTGT 10%) cho công ty TNHH An Bình, giá vốn hàng bán thép tấm là 11.000đ/kg và thép tròn là 12.000đ/kg, chưa thu tiền.***

Nợ TK 632: 35.000.000

Có TK156: 35.000.000

Nợ TK 131: 47.300.000

Có TK 511 : 43.000.000

Có TK 3331 : 4.300.000

Từ bút toán trên kế toán phản ánh vào Phiếu xuất kho (biểu 2.1), hóa đơn GTGT số 0000725 (biểu 2.2), Sổ Nhật ký chung (Biểu số 2.3) đồng thời phản ánh vào Sổ cái TK 511 (Biểu số 2.4)

**Biểu 2.1. Phiếu xuất kho 10/12**

**CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI  
QUẾ PHÒNG**

**Mẫu số 02 – VT**  
*(Ban hành theo QĐ số 48/2006/QĐ-BTC*  
*Ngày 14/09/2006 của Bộ trưởng BTC)*

**PHIẾU XUẤT KHO**

**Ngày 03 tháng 12 năm 2015**

**Số: 10/12**

**Người nhận: Lê Ngọc An**

**Địa chỉ: Phòng kinh doanh**

**Lý do xuất: Xuất bán**

STT	Tên vật tư ( hàng hóa )	ĐVT	Số lượng		Đơn giá	Thành tiền
			Yêu cầu	Thực xuất		
A	B	D	1	2	3	4
1	Thép tấm	kg	1.000	1.000	11.000	11.000.000
2	Thép tròn	kg	2.000	2.000	12.000	24.000.000
	<b>Cộng</b>	<b>x</b>	<b>x</b>	<b>x</b>	<b>x</b>	<b>35.000.000</b>

Người lập phiếu  
(Ký, họ tên)

Người nhận hàng  
(Ký, họ tên)

Thủ kho  
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng  
(Ký, họ tên)

**Biểu 2.2. Hóa đơn GTGT số 0000725**

<b>HÓA ĐƠN</b>		Mẫu số : 01GTKT3/001			
<b>GIÁ TRỊ GIA TĂNG</b>		Kí hiệu : AA/15P			
(Liên 3 : Nội bộ )		Số : <b>0000725</b>			
Ngày 03 tháng 12 năm 2015					
Đơn vị bán hàng : Công ty Cổ phần Thương mại Quế Phòng					
Mã số thuế :0200572614					
Địa chỉ : Số 52 – Đường Hà Nội - Quận Hồng Bàng – TP. Hải Phòng					
Số tài khoản : 160314851003622 – ABBank					
Đơn vị mua hàng : Công ty TNHH An Bình					
Họ tên người mua : Đỗ Vũ Song					
Mã số thuế :0248927889					
Địa chỉ : Số5 –Thiên Lô- Q.Lê Chân – TP.Hải Phòng					
Hình thức thanh toán : Chuyển khoản Số tài khoản : 28000796908					
STT	Tên hàng hóa, dịch vụ	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
1	2	3	4	5	6=4x5
1	Thép tấm	Kg	1000	13.000	13.000.000
2	Thép tròn	Kg	2000	15.000	30.000.000
Cộng tiền hàng					43.000.000
Thuế suất GTGT : 10%		Tiền thuế GTGT			4.300.000
Tổng cộng tiền thanh toán					47.300.000
Số tiền viết bằng chữ : Bốn mươi bảy triệu ba trăm nghìn đồng chẵn!					
Người mua hàng (Kí, ghi rõ họ tên)		Người bán hàng (Ký, ghi rõ họ tên)		Thủ trưởng đơn vị (Ký, đóng dấu, ghi rõ họ tên)	
(Cần kiểm tra, đối chiếu khi lập, giao nhận hóa đơn)					

**Biểu số 2.3 : Sổ Nhật kí chung năm 2015**

**CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI  
QUẾ PHÒNG**

**Mẫu số S03b – DNN**  
*(Ban hành theo QĐ số 48/2006/QĐ-BTC*  
*Ngày 14/09/2006 của Bộ trưởng BTC)*

**SỔ NHẬT KÝ CHUNG**

Năm 2015

Chứng từ		Diễn giải	SHTK	Số tiền	
Số hiệu	Ngày tháng			Nợ	Có
...	...	...		...	...
PXK số 10/12	3/12/2015	Xuất kho hàng hóa	632 156	35.000.000	35.000.000
HĐGTGT số 0000725	3/12/2015	Xuất bán thép	131 511 3331	47.300.000	43.000.000 4.300.000
...		...			
		<b>Tổng cộng</b>		<b>502.186.193.192</b>	<b>502.186.193.192</b>

**Người lập biểu**  
(Ký, họ tên)

**Kế toán trưởng**  
(Ký, họ tên)

**Giám đốc**  
(Ký, họ tên, đóng dấu)

**Biểu số 2.4. Sổ cái TK 511**

**CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI  
QUẾ PHÒNG**

**Mẫu số S03b – DNN**  
*(Ban hành theo QĐ số 48/2006/QĐ-BTC  
Ngày 14/09/2006 của Bộ trưởng BTC)*

**SỔ CÁI**

Năm 2015

Tài khoản: 511- Doanh thu bán hàng

Đơn vị: VNĐ

Chứng từ		Diễn giải	TKĐƯ	Số phát sinh	
Số hiệu	Ngày tháng			Nợ	Có
		<b>SDDK</b>			
...	...	...		...	...
HĐ số 0000725	3/12/2015	Xuất bán hàng chưa thu tiền	131		43.000.000
		...		...	...
PKT số 123	31/12/201 5	K/c doanh thu bán hàng	911	120.127.355.895	
		<b>Cộng phát sinh</b>		<b>120.127.355.895</b>	<b>120.127.355.895</b>
		<b>SDCK</b>			

**Người lập biểu**

(Ký, họ tên)

**Kế toán trưởng**

(Ký, họ tên)

**Giám đốc**

(Ký, họ tên, đóng dấu)

**Biểu số 2.5. Sổ chi tiết TK131**

**CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI  
QUẾ PHÒNG**

**Mẫu số S13 - DNN**

(Ban hành theo QĐ số 48/2006/QĐ - BTC  
ngày 14/9/2006 của Bộ trưởng BTC)

**SỔ CHI TIẾT THANH TOÁN VỚI NGƯỜI MUA (NGƯỜI BÁN)**

TK : 131- Phải thu khách hàng  
Đối tượng : Công ty TNHH An Bình  
Loại tiền : VNĐ

Chứng từ		Diễn giải	TK đối ứng	Thời hạn được chiết khấu	Số phát sinh		Số dư	
Số hiệu	Ngày tháng				Nợ	Có	Nợ	Có
		SDDK					<b><u>200.521.929</u></b>	
		.....			.....			
	3/12	Bán thép cho công ty An Bình, chưa thu tiền	511 3331		43.000.000 4.300.000 .....	...	268.475.900 272.775.900 .....	
		.....						
		- Cộng số phát sinh			173.070.000	207.897.463		
		SDCK					<b><u>165.694.466</u></b>	

**Người ghi sổ**  
( Ký ,họ tên)

Ngày..... tháng ..... năm  
**Kế toán trưởng**  
( Ký ,họ tên)



Biểu số 2.6. Bảng tổng hợp chi tiết TK 131

**CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI  
QUẾ PHÒNG**

**Mẫu số S13 – DNN**

(Ban hành theo QĐ số 48/2006/QĐ - BTC  
ngày 14/9/2006 của Bộ trưởng BTC)

**BẢNG TỔNG HỢP PHẢI THU KHÁCH HÀNG- TK131**

Năm 2015

STT	Khách hàng	Số dư đầu kỳ		Số phát sinh		Số dư cuối kỳ	
		Nợ	Có	Nợ	Có	Nợ	Có
	1	4	5	6	7	8	9
1	Công ty TNHH An Bình	200.521.929		173.070.000		165.694.466	
	.....	.....		.....	207.897.463	.....	
2	Công ty CP Hải Thịnh	307.182.580		132.256.300		242.678.080	
	.....	.....		.....	196.760.800	.....	
3				.....	.....	.....	
				...	.....	.....	
4	<b>Tổng cộng</b>	<b>980.765.000</b>		<b>649.700.234</b>	<b>580.364.971</b>	<b>1.050.100.263</b>	

**Người ghi sổ**  
( Ký ,họ tên)

Ngày..... tháng ..... năm  
**Kế toán trưởng**  
( Ký ,họ tên)

**2.2.2. Kế toán giá vốn hàng bán tại công ty Cổ phần Thương mại Quế Phòng**

**2.2.1.1. Chứng từ và tài khoản sử dụng**

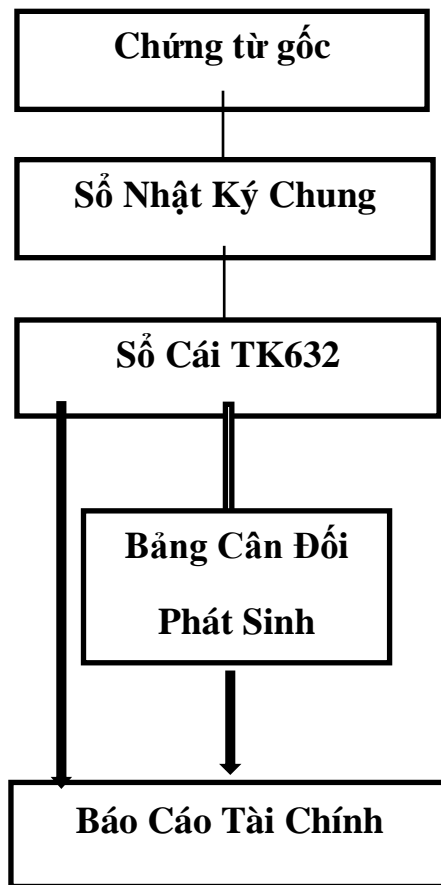
**\*Chứng từ sử dụng:**

- Phiếu xuất kho
- Các chứng từ kế toán khác có liên quan khác

**\*Tài khoản sử dụng**

- TK 632 – Giá vốn hàng bán
- TK 156 – Hàng hóa

**2.2.1.2. Quy trình hạch toán**



**Sơ đồ hạch toán chi phí giá vốn hàng bán**

Ghi chú:

Ghi hàng ngày:



Ghi cuối tháng:



**2.2.1.3. Ví dụ thực tế tại công ty**

**Ví dụ 2. Tiếp theo ví dụ 1: Ngày 3/12/2015 công ty bán 1 tấn thép tấm đơn giá 13.000/kg và 2 tấn thép tròn đơn giá 15.000/kg ( chưa bao gồm thuế suất thuế**

**GTGT 10%) cho công ty TNHH An Bình, giá vốn hàng bán thép tấm là 11.000đ/kg và thép tròn là 12.000đ/kg, chưa thu tiền.**

Công ty Cổ phần thương mại Quế Phòng tính giá vốn hàng xuất kho theo phương pháp giá thực tế đích danh, vì vậy giá vốn của lô hàng xuất này sẽ được tính như sau:

\* Thép tấm:

+Tồn đầu kỳ= 0

+Nhập ngày 1/12/2015= 3,5 tấn, đơn giá 11.000đ/kg

\* Thép tròn:

+Tồn đầu kỳ= 0

+Nhập ngày 1/12/2015= 5 tấn, đơn giá 12.000đ/kg

Giá vốn= (1.000kg x 11.000đ/kg)+ (2.000kg x 12.000đ/kg)= 35.000.000

Nợ 632: 35.000.000

Có 156: 35.000.000

Căn cứ vào phiếu xuất kho số 10/12 (biểu số 2.1) vào sổ Nhật ký chung (biểu số 2.3) và phản ánh vào Sổ cái TK 632 (Biểu số 2.7)

**Biểu 2.1. Phiếu xuất kho 10/12**

**CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI  
QUẾ PHÒNG**

**Mẫu số 02 – VT**  
*(Ban hành theo QĐ số 48/2006/QĐ-BTC  
Ngày 14/09/2006 của Bộ trưởng BTC)*

**PHIẾU XUẤT KHO**

**Ngày 03 tháng 12 năm 2015**

**Số: 10/12**

**Người nhận: Lê Ngọc An**

**Địa chỉ: Phòng kinh doanh**

**Lý do xuất: Xuất bán**

STT	Tên vật tư ( hàng hóa )	ĐVT	Số lượng		Đơn giá	Thành tiền
			Yêu cầu	Thực xuất		
A	B	D	1	2	3	4
1	Thép tấm	kg	1.000	1.000	11.000	11.000.000
2	Thép tròn	kg	2.000	2.000	12.000	24.000.000
	<b>Cộng</b>	<b>x</b>	<b>x</b>	<b>x</b>	<b>x</b>	<b>35.000.000</b>

**Người lập phiếu**  
*(Ký, họ tên)*

**Người nhận hàng**  
*(Ký, họ tên)*

**Thủ kho**  
*(Ký, họ tên)*

**Kế toán trưởng**  
*(Ký, họ tên)*

**Biểu số 2.3: Sổ Nhật kí chung năm 2015**

**CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI  
QUẾ PHÒNG**

**Mã số 9236 V DNN**

**(Ban hành theo Quyết định số 878/2009/QĐ-BTC (Ban hành theo Quyết định số 100/2009/QĐ-BTC)**

**Ngày 1/4/2012 (10/6/2012) tại Bộ trưởng Bộ BTC) Ngày**

**SỔ NHẬT KÝ CHUNG**

Năm 2015

Đơn vị: VNĐ

Chứng từ	Diễn giải	SHTK	Số tiền		
				Nợ	Có
...	...	...		...	...
PXK số 10/12	3/12/2015	Xuất kho hàng hóa	632 156	35.000.000	35.000.000
HĐ 000725	3/12/32015	Xuất bán thép	131 511 3331	47.300.000	43.000.000 4.300.000
...		...		.....	.....
		<b>Tổng cộng</b>		<b>502.186.193.192</b>	<b>502.186.193.192</b>

**Người lập biểu**  
(Ký, họ tên)

**Kế toán trưởng**  
(Ký, họ tên)

**Giám đốc**  
(Ký, họ tên, đóng dấu)

**Biểu số 2.7. Sổ cái TK632**

**CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI  
QUẾ PHÒNG**

**Mẫu số S03b – DNN  
(Ban hành theo QĐ số 48/2006/QĐ-BTC  
Ngày 14/09/2006 của Bộ trưởng BTC)**

**SỔ CÁI**

Năm 2015

Tài khoản: 632- Giá vốn hàng bán

Đơn vị: VNĐ

Chứng từ		Diễn giải	TKĐƯ	Số phát sinh	
Số hiệu	Ngày tháng			Nợ	Có
		<b>SĐĐK</b>			
...	...	...		...	...
PXK 10/12	3/12/2015	Xuất bán hàng	156	35.000.000	
		...		...	...
PKT 124	31/12/2015	K/c giá vốn hàng bán	911		120.127.355.895
		<b>Cộng phát sinh</b>		<b>113.601.186.646</b>	<b>113.601.186.646</b>
		<b>SĐCK</b>			

**Người lập biểu**  
(Ký, họ tên)

**Kế toán trưởng**  
(Ký, họ tên)

**Giám đốc**  
(Ký, họ tên, đóng dấu)

**2.2.3. Kế toán chi phí quản lý kinh doanh tại công ty Cổ phần Thương mại Quế Phòng**

**2.2.3.1. Chứng từ và tài khoản sử dụng**

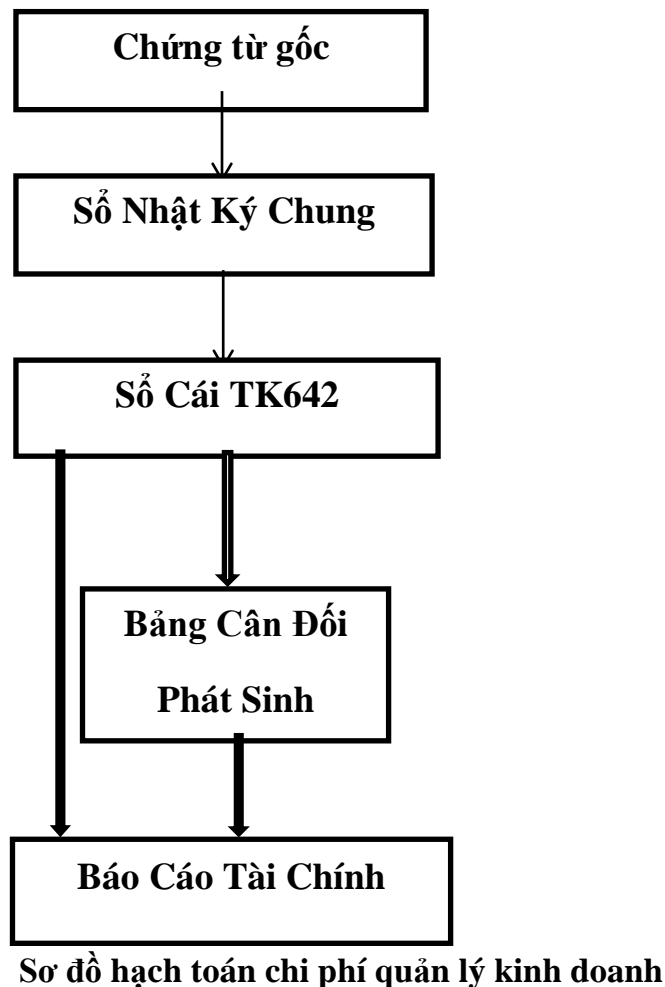
*\*Chứng từ sử dụng:*

- Phiếu Chi, Phiếu xuất kho
- Hóa đơn GTGT
- Bảng phân bổ tiền lương
- Bảng phân bổ khấu hao TSCĐ
- Giấy báo nợ của Ngân hàng
- Các chứng từ khác có liên quan khác

*\*Tài khoản sử dụng:*

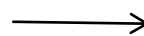
- TK 111 – Tiền mặt
- TK 112 – Tiền gửi ngân hàng
- TK 642 – Chi phí quản lý kinh doanh

**2.2.3.2. Quy trình hạch toán**



Ghi chú:

Ghi hàng ngày:



Ghi cuối tháng:



**2.2.3.3. Ví dụ thực tế tại công ty**

**Ví dụ 3: Ngày 10/12/2016, công ty nhận được hóa đơn tiền điện 3.598.096 , thuế suất thuế GTGT 10%, công ty đã thanh toán bằng tiền mặt**

Căn cứ vào hóa đơn GTGT **0640968** (Biểu số 2.8) và các chứng từ khác có liên quan, kế toán phản ánh vào sổ sách theo định khoản

*Nợ TK642: 3.270.996*

*Nợ TK133: 327.100*

*Có TK111: 3.598.096*

**Ví dụ 4: Ngày 5/12/2015, thanh toán lương tháng 1/2015 cho công nhân viên**

*Nợ TK 642: 48.200.000*

*Có TK334: 48.200.000*

Để phản ánh chi phí quản lý doanh nghiệp của nghiệp vụ này từ hóa đơn GTGT **0640968** ( Biểu 2.8) kế toán lập phiếu chi số 45/12 (biểu số 2.9)

Căn cứ vào phiếu chi số 45/12 (biểu số 2.9),bảng thanh toán lương tháng 11/2015 (biểu số 2.10) vào sổ nhật ký chung (biểu số 2.11) Từ đó kế toán phản ánh vào Sổ cái TK 642 (Biểu số 2.12),

**Biểu số 2.8. Hóa đơn GTGT số 0640968**

<b>Công ty CP Điện nước Lắp máy HP</b>		<b>HÓA ĐƠN GTGT</b>		<b>Mẫu số:</b>	
<b>Tên KH: Công ty CPTM</b>		<b>(THU TIỀN ĐIỆN)</b>		<b>01GTKT2/002</b>	
<b>Quế Phòng</b>		<b>Liên 2: Giao cho khách hàng</b>		<b>Ký hiệu: AA/15P</b>	
				<b>Số 0640968</b>	
<b>Chỉ số mới</b>	<b>Chỉ số cũ</b>	<b>Hệ số</b>	<b>ĐNTT</b>	<b>Đơn giá</b>	<b>Thành tiền</b>
5,750	3,890	1	1.860		
<b>Tổng Giám đốc</b>		<b>Trong đó:</b>	1320	1518	1.976.436
			558	2320	1.294.560
		<b>Cộng</b>	1.860		3.270.996
		<b>Thuế GTGT (10%)</b>			
		<b>Tổng số tiền thanh toán</b>			<b>3.598.096</b>
<b>Ngày: 10/12/2015</b>		<b>Số tiền bằng chữ: Ba triệu năm trăm chín mươi tám ngàn không trăm chín mươi sáu đồng chẵn</b>			



Biểu số 2.9. Phiếu chi

CTY CPTM QUẾ PHÒNG

**Mẫu số 02-TT**

*(Ban hành theo QĐ số 48/2006/QĐ-BTC ngày  
14/09/2006 của Bộ trưởng bộ Tài chính)*

**PHIẾU CHI TIỀN MẶT**

Số: 45/12

**Ngày : 10/12/2015**

**Nợ 642 Có 111**

Họ tên người nhận : Lê Văn Bình

Địa chỉ : Phòng kế toán

Nội dung : Thanh toán tiền điện tháng 12/2015

**Số tiền : 3.598.096**

Bằng chữ : **Ba triệu năm trăm chín mươi tám ngàn không trăm chín mươi sáu đồng chẵn./.**

Kèm theo : Chứng từ gốc : 01

**Thủ trưởng đơn vị**

*(Ký, họ tên)*

**Kế toán trưởng**

*(Ký, họ tên)*

**Người lập phiếu**

*(Ký, họ tên)*

**Biểu số 2.10. Bảng thanh toán lương**

Công ty CPTM Quế Phòng

Bộ phận: Văn Phòng

Mẫu số 02 - LĐTL  
(Ban hành theo QĐ số 48/2006/QĐ-BTC ngày 14/09/2006  
của Bộ trưởng Bộ Tài Chính)

**BẢNG THANH TOÁN TIỀN LƯƠNG**

Tháng 11 năm 2015

Số:.....

Số T T	Họ và tên	Bậc lương	Lương thời gian		Phụ cấp thuộc quỹ lương	Phụ cấp khác	Tổng số	Tạm ứng kỳ I	Các khoản phải khấu trừ vào lương		Kỳ II được lĩnh	
			Số công	Số tiền					BHXH	Cộng	Số tiền	Ký nhận
A	B	1	5	6	9	10	11	12	13	16	17	C
1	Nguyễn Quang Quế	6.000.000	26	6000000	0	1000000	7000000	0	1050000	1050000	5950000	
2	Phạm Thị Bằng	5.000.000	26	5000000	0	1000000	6000000	0	900000	900000	5100000	
3	Phạm Văn Duy	4.500.000	25	4017857	0	500000	4517857	1500000	677679	677679	2340178	
4	.....	.....	.....	.....	.....	.....	.....	.....	.....	.....	.....	.....
	Cộng	105.000.000		80000000				23000000	14200000	37200000	42800000	

Tổng số tiền viết bằng chữ:.....

Người lập phiếu  
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng  
(Ký, họ tên)

**Biểu số 2.11: Sổ Nhật kí chung năm 2015**

**CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI  
QUẾ PHÒNG**

**Mã số 9236 V DNN**

**(Ban hành theo Quyết định số 878/2009/QĐ-BTC (Ban hành theo Quyết định số 100/2009/QĐ-BTC)**

**Ngày 14/09/2010 của Bộ trưởng Bộ BTC) Ngày**

**SỔ NHẬT KÝ CHUNG**

Năm 2015

Đơn vị: VNĐ

Chứng từ		Diễn giải	SHTK	Số tiền	
Số hiệu	Ngày tháng			Nợ	Có
...	...	...		...	...
	5/12/2015	Thanh toán lương tháng 11/2015	642 334	48.200.000	48.200.000
.....	.....	.....		.....	.....
HĐ 0640968 PC 45/12	15/12/2015	Thanh toán tiền điện tháng 11/2015	642 133 111	3.270.996 327.100	3.598.096
...		...		.....	.....
		<b>Tổng cộng</b>		<b>502.186.193.192</b>	<b>502.186.193.192</b>

**Người lập biểu**  
(Ký, họ tên)

**Kế toán trưởng**  
(Ký, họ tên)

**Giám đốc**  
(Ký, họ tên, đóng dấu)

**CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI  
QUẾ PHÒNG**

**Mẫu số S03b – DNN**  
*(Ban hành theo QĐ số 48/2006/QĐ-BTC*  
*Ngày 14/09/2006 của Bộ trưởng BTC)*

**SỔ CÁI**

Năm 2015

Tài khoản: 642- Chi phí quản lý kinh doanh

Đơn vị: VNĐ

Chứng từ		Diễn giải	TKĐƯ	Số phát sinh	
Số hiệu	Ngày tháng			Nợ	Có
		<b>SĐĐK</b>			
...	...	...		...	...
	5/12/2015	Thanh toán lương T11/2015	334	48.200.000	
		...		...	...
HĐ 0640968 PC 45/12	15/12/2015	Thanh toán tiền điện T11/2015	111	3.270.996	
PKT 124	31/12/2015	K/c chi phí QLKD	911		5.146.816.189
		<b>Cộng phát sinh</b>		<b>5.146.816.189</b>	<b>5.146.816.189</b>
		<b>SĐCK</b>			

**Người lập biểu**  
(Ký, họ tên)

**Kế toán trưởng**  
(Ký, họ tên)

**Giám đốc**  
(Ký, họ tên, đóng dấu)

**2.2.4. Kế toán DTHĐTC và CPHĐTC tại công ty Cổ phần Thương mại Quế Phòng**

**2.2.4.1. Nội dung DTHĐTC và CPHĐTC tại công ty Cổ phần Thương mại Quế Phòng**

Hoạt động của Công ty chủ yếu chú trọng vào công việc cung cấp hàng hóa cho các công trình nên Công ty không tham gia vào các hoạt động đầu tư chứng khoán, góp vốn liên doanh... Doanh thu hoạt động tài chính của Công ty chủ yếu phát sinh do lãi nhận được từ các khoản tiền gửi Ngân hàng, chi phí tài chính phát sinh do phải trả tiền lãi cho các khoản nợ vay.

**2.2.4.2. Chứng từ và tài khoản sử dụng**

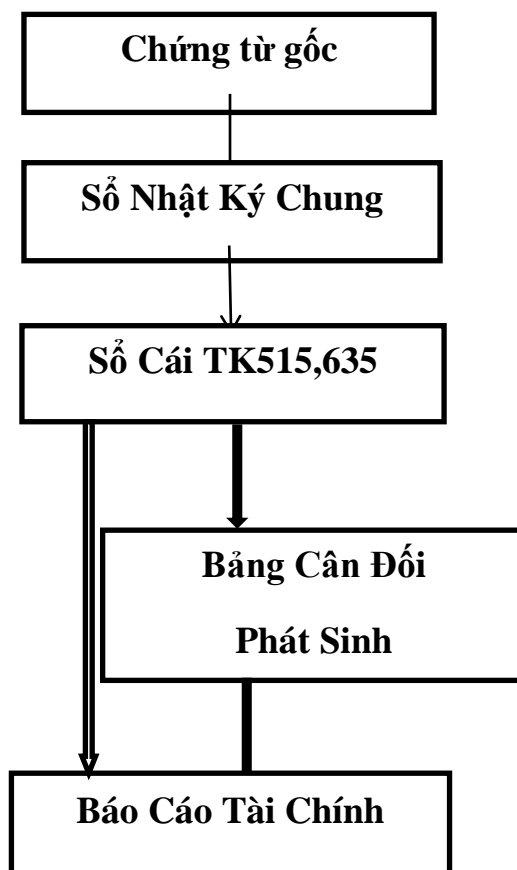
*\*Chứng từ sử dụng:*

- Giấy báo có, giấy báo nợ của ngân hàng
- Phiếu thu, phiếu chi
- Bản sao kê chi tiết tài khoản của ngân hàng
- Các chứng từ khác có liên quan

*\*Tài khoản sử dụng:*

- TK 515 – Doanh thu hoạt động tài chính
- TK 635 – Chi phí tài chính

**2.2.4.3. Quy trình hạch toán**



**Sơ đồ hạch toán doanh thu và chi phí hoạt động tài chính**

Ghi chú:

Ghi hàng ngày:  $\longrightarrow$

Ghi cuối tháng:  $\longrightarrow$

**2.2.4.4. Ví dụ thực tế tại công ty**

**Ví dụ 5: Ngày 20/12/2015 căn cứ vào giấy báo có của ngân hàng, công ty hạch toán lãi tiền gửi tháng 12 từ ngân hàng ABBank là 960.000**

Nợ TK112: 960.000

Có TK515: 960.000


**Ví dụ 6: Ngày 21/12/2015 công ty nhận giấy báo nợ của Ngân hàng số tiền là 23.160.000 về việc trả lãi tiền vay tháng 12/2015**

Nợ TK 635: 23.160.345

Có TK112: 23.160.345

Từ các bút toán trên có Giấy báo có (Biểu số 2.13), Giấy báo nợ (Biểu số 2.14) kế toán phản ánh vào Sổ nhật ký chung (Biểu số 2.15) sau đó kế toán phản ánh vào sổ cái TK 515 (Biểu số 2.16) và sổ cái TK635 (Biểu số 2.17)

**Biểu số 2.13. Giấy báo có**

		<b>GIẤY BÁO CÓ</b> <b>(CREDIT ADVICE)</b>	
CN/PCD (Branch): CN HAI PHONG-HPG		Số giao dịch (Transaction no):	
MST (Tax code): 0301412222.012		0751004616869-20151217	
Địa chỉ (Address): 9 TRAN HUNG DAO, Q. HONG BANG TP HAI PHONG		Ngày giá trị (Value date): 15/12/2015	
Chủ tài khoản (Account Holder):		Mã khách hàng (Customer ID): 10269564	
<b>CTY CPTM QUE PHONG</b>		Tài khoản (Account): 0751004616869	
Địa chỉ (Address): SO 52 DUONG HA NOI-SO DAU		Tiền tệ (Currency): VND	
-HONG BANG-HAI PHONG VIET NAM			
Mã số thuế (Tax code): 0200572614			
Tên người chuyển (Sending Customer):			
Tổng số tiền (Amount):	<b>960.000</b>		
Bằng chữ (In words):	Chín trăm sáu mươi nghìn đồng		
Nội dung (Payment details):	Nhận lãi tiền gửi		
KẾ TOÁN (Inputter) Hòa Ngô Thị Hòa		KIỂM SOÁT (Supervisor)	

Biểu số 2.14. Giấy báo nợ



CN/PGD (Branch): CN HAI PHONG-HPG  
MST (Tax code): 0301412222.012  
Địa chỉ (Address): 9 TRAN HUNG DAO, Q.  
HONG BANG TP HAI PHONG  
Chủ tài khoản (Account Holder):

**CTY CPTM QUE PHONG**  
Địa chỉ (Address): SO 52 DUONG HA NOI-SO  
DAU  
-HONG BANG-HAI PHONG VIET NAM

Mã số thuế (Tax code): 0200572614

Tên người chuyển (Sending Customer):

Tổng số tiền (Amount): **23.160.345**

Bằng chữ (In words): Hai mươi ba triệu một trăm sáu mươi nghìn ba trăm bốn mươi lăm đồng/

Nội dung (Payment details): Thanh toán lãi vay

**GIẤY BÁO NỢ  
(DEBIT ADVICE)**

Số giao dịch (Transaction no):

0751004616869-20151217

Ngày giá trị (Value date): 19/12/2015

Mã khách hàng (Customer ID):

10269564

Tài khoản (Account): 0751004616869

Tiền tệ (Currency): VND

KẾ TOÁN

(Inputter)

Hòa

Ngô Thị Hòa

KIỂM SOÁT

(Supervisor)

**Biểu số 2.15: Sổ Nhật kí chung năm 2015**

**CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI  
QUẾ PHÒNG**

**Mã số 9036 V DNN**

**(Ban hành theo QĐ số 848/2000/QĐ-BTC (Ban hành ngày 4/4/2002/2000 của Bộ trưởng Bộ BTC) Ngày**

**Ngày 4/4/2002/2000 của Bộ trưởng Bộ BTC) Ngày**

**SỔ NHẬT KÝ CHUNG**

Năm 2015

Đơn vị: VNĐ

Chứng từ		Diễn giải	SHTK	Số tiền	
Số hiệu	Ngày tháng			Nợ	Có
...	...	...		...	...
GBC	20/12/2015	Nhận lãi tiền gửi	112 515	960.000	960.000
GBN	21/12/2015	Trả lãi tiền vay	635 112	23.160.345	23.160.345
...	.....	...		.....	.....
		<b>Tổng cộng</b>		<b>502.186.193.192</b>	<b>502.186.193.192</b>

**Người lập biểu**  
(Ký, họ tên)

**Kế toán trưởng**  
(Ký, họ tên)

**Giám đốc**  
(Ký, họ tên, đóng dấu)



**Biểu số 2.16. Sổ cái TK515**

**CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI  
QUẾ PHÒNG**

**Mẫu số S03b – DNN**  
*(Ban hành theo QĐ số 48/2006/QĐ-BTC*  
*Ngày 14/09/2006 của Bộ trưởng BTC)*

**SỔ CÁI**

Năm 2015

Tài khoản: 515- Doanh thu HĐTC

Đơn vị: VNĐ

Chứng từ		Diễn giải	TKĐƯ	Số phát sinh	
Số hiệu	Ngày tháng			Nợ	Có
		<b>SĐĐK</b>			
...	...	...		...	...
GBC	20/12/2015	Nhận lãi tiền gửi tháng 12/2015	112		960.000
PKT 123	31/12/2015	K/c doanh thu HĐTC	911	11.894.784	
		<b>Cộng phát sinh</b>		<b>11.894.784</b>	<b>11.894.784</b>
		<b>SDCK</b>			

**Người lập biểu**  
(Ký, họ tên)

**Kế toán trưởng**  
(Ký, họ tên)

**Giám đốc**  
(Ký, họ tên, đóng dấu)

**Biểu số 2.17. Sổ cái TK635**

**CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI  
QUẾ PHÒNG**

**Mẫu số S03b – DNN**  
*(Ban hành theo QĐ số 48/2006/QĐ-BTC*  
*Ngày 14/09/2006 của Bộ trưởng BTC)*

**SỔ CÁI**

Năm 2015

Tài khoản: 635- Chi phí HĐTC

Đơn vị: VNĐ

Chứng từ		Diễn giải	TKĐƯ	Số phát sinh	
Số hiệu	Ngày tháng			Nợ	Có
		<b>SĐĐK</b>			
...	...	...		...	...
GBN	21/12/2015	Thanh toán lãi vay tháng 12/2015	112	23.160.345	
		...		...	...
PKT 124	31/12/2015	K/c chi phí HĐTC	911		940.973.217
		<b>Cộng phát sinh</b>		<b>940.973.217</b>	<b>940.973.217</b>
		<b>SDCK</b>			

**Người lập biểu**  
(Ký, họ tên)

**Kế toán trưởng**  
(Ký, họ tên)

**Giám đốc**  
(Ký, họ tên, đóng dấu)

***2.2.5. Kế toán TNHHĐK và CPHĐK tại công ty Cổ phần Thương mại Quế Phòng***

***Trong năm 2015, tại công ty Cổ phần Thương mại Quế Phòng không phát sinh các hoạt động khác***

***2.2.6. Kế toán XĐKQKD tại công ty Cổ phần Thương mại Quế Phòng***

***2.2.6.1. Chứng từ và tài khoản sử dụng***

***\*Chứng từ sử dụng:***

- Các phiếu kế toán
- Các chứng từ khác có liên quan

***\*Tài khoản sử dụng:***

- TK 911: dùng để xác định và phản ánh kết quả hoạt động kinh doanh và các hoạt động khác của doanh nghiệp trong một kỳ kế toán năm
- Và các chứng từ liên quan khác

***2.2.6.2. Quy trình hạch toán***

Cuối kỳ, từ số liệu sổ cái của các tài khoản và sổ sách có liên quan, kế toán hạch toán các bút toán kết chuyển thông qua việc lập phiếu kế toán và xác định kết quả kinh doanh.

Sau đó từ các phiếu kế toán kết chuyển doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh, chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp kế toán vào sổ nhật ký chung rồi vào sổ cái các tài khoản 911, 821, 421...

Kế toán tổng hợp số liệu kết quả kinh doanh để lập báo cáo tài chính.

***2.2.6.3. Ví dụ thực tế tại công ty: Xác định kết quả kinh doanh năm 2015***

***1) Kết chuyển chi phí:***

Nợ TK 911: 119.688.976.052  
    Có TK 632: 113.601.186.646  
    Có TK 635: 940.973.217  
    Có TK 642: 5.146.816.189

***2) Kết chuyển doanh thu***

Nợ TK 511: 120 127 355 895  
Nợ TK 515: 11 894 784  
    Có TK 911: 120 139 250 679

***3) Xác định thuế TNDN phải nộp***

Nợ TK 821: 99.060.418  
    Có TK 334: 99.060.418

***4) Kết chuyển chi phí thuế TNDN***

Nợ TK 911: 99.060.418  
    Có TK 821: 99.060.418

***5) Kết chuyển lợi nhuận sau thuế***

Nợ TK 911: 351.214.209

Có TK 421: 351.214.209

**Biểu số 2.18. Phiếu kế toán số 123**

CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI  
QUẾ PHÒNG

**PHIẾU KẾ TOÁN**

Số 123

Ngày 31 Tháng 12 Năm 2015

STT	Diễn Giải	Tài Khoản		Thành tiền
		Nợ	Có	
1	Kết chuyển doanh thu bán hàng năm 2015	511	911	120.127.355.895
2	K/c doanh thu hoạt động tài chính năm 2015	515	911	11.894.784
	Cộng			120.139.250.679

Số tiền viết bằng chữ: Một trăm hai mươi tỷ, một trăm ba mươi chín triệu, hai trăm năm mươi nghìn , sáu trăm bảy mươi chín đồng!

Ngày 31 Tháng 12 năm 2015

Người lập phiếu  
(Ký, họ tên )

Giám Đốc  
(Ký, họ tên)

**Biểu số 2.19. Phiếu kế toán số 124**

CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI  
QUẾ PHÒNG

**PHIẾU KẾ TOÁN**

Số 124

Ngày 31 Tháng 12 Năm 2015

STT	Diễn Giải	Tài Khoản		Thành tiền
		Nợ	Có	
1	Kết chuyển chi phí GVHB năm 2015	911	632	113.601.186.646
2	K/c chi phí QLKD năm 2015	911	642	5.146.816.189
3	K/c chi phí HĐTC năm 2015	911	635	940.973.217
	Cộng			119.688.976.052

Số tiền viết bằng chữ: Một trăm mười chín tỷ, sáu trăm tám mươi tám triệu, chín trăm bảy mươi sáu nghìn, không trăm năm mươi hai đồng!

Ngày 31 Tháng 12 năm 2015

Người lập phiếu  
(Ký, họ tên )

Giám Đốc  
(Ký, họ tên)

**Biểu số 2.20. Phiếu kế toán số 125**

CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI  
QUẾ PHÒNG

**PHIẾU KẾ TOÁN**

Số 125

Ngày 31 Tháng 12 Năm 2015

STT	Diễn Giải	Tài Khoản		Thành tiền
		Nợ	Có	
1	Xác định thuế TNDN năm 2015	821	334	99.060.418
	Cộng			99.060.418

Số tiền viết bằng chữ: Chín mươi chín triệu không trăm sáu mươi nghìn bốn trăm mười tám đồng!

Ngày 31 Tháng 12 năm 2015

Người lập phiếu  
(Ký, họ tên )

Giám Đốc  
(Ký, họ tên)

**Biểu số 2.21. Phiếu kế toán số 126**

CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI  
QUẾ PHÒNG

**PHIẾU KẾ TOÁN**

Số 126

Ngày 31 Tháng 12 Năm 2015

STT	Diễn Giải	Tài Khoản		Thành tiền
		Nợ	Có	
1	Kết chuyển thuế TNDN năm 2015	911	821	99.060.418
	Cộng			99.060.418

Số tiền viết bằng chữ: Chín mươi chín triệu không trăm sáu mươi nghìn bốn trăm mười tám đồng!

Ngày 31 Tháng 12 năm 2015

Người lập phiếu  
(Ký, họ tên )

Giám Đốc  
(Ký, họ tên)

**Biểu số 2.22. Phiếu kế toán số 12.7**

CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI  
QUẾ PHÒNG

**PHIẾU KẾ TOÁN**

Số 127

Ngày 31 Tháng 12 Năm 2015

STT	Diễn Giải	Tài Khoản		Thành tiền
		Nợ	Có	
1	Kết chuyển lãi năm 2015	911	421	351.214.209
	Cộng			351.214.209

Số tiền viết bằng chữ: Ba trăm năm mươi một triệu hai trăm mười bốn nghìn hai trăm linh chín đồng!

Ngày 31 Tháng 12 năm 2015

Người lập phiếu  
(Ký, họ tên )

Giám Đốc  
(Ký, họ tên)



**Biểu số 2.23: Sổ Nhật kí chung năm 2015**

**CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI  
QUẾ PHÒNG**

**Mã số 9036 V DNN**  
**(Ban hành theo QĐĐ số 848/2009/QĐ-BTC (Ban hành ngày 4/4/2009/2009 của Bộ trưởng Bộ BTC))** Ngày

**SỔ NHẬT KÝ CHUNG**

Năm 2015

Đơn vị: VNĐ

Chứng từ		Diễn giải	SHTK	Số tiền	
Số hiệu	Ngày tháng			Nợ	Có
...	...	...		...	...
PKT 123	31/12/2015	K/c doanh thu	511	120.127.355.895	120.139.250.679
			515	11.894.784	
			911		
PKT 124	31/12/2015	K/c Chi phí	911	119.688.976.052	113.601.186.646
			632		940.973.217
			635		5.146.816.189
			642		
	31/12/2015	K/c Lợi nhuận trước thuế	911 421	450.274.627	450.274.627
PKT 125	31/12/2015	XĐ chi phí thuế TNDN phải nộp	821 334	99.060.418	99.060.418
PKT 126	31/12/2015	K/c Thuế TNDN	911 821	99.060.418	99.060.418
PKT 127	31/12/2015	K/c Lãi	911 421	351.214.209	351.214.209
		<b>Tổng cộng</b>		<b>502.186.193.192</b>	<b>502.186.193.192</b>

**Người lập biểu**  
(Ký, họ tên)

**Kế toán trưởng**  
(Ký, họ tên)

**Giám đốc**  
(Ký, họ tên, đóng dấu)

**Biểu số 2.24. Sổ cái TK635**

**CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI  
QUẾ PHÒNG**

**Mẫu số S03b – DNN  
(Ban hành theo QĐ số 48/2006/QĐ-BTC  
Ngày 14/09/2006 của Bộ trưởng BTC)**

**SỔ CÁI**  
Năm 2015  
Tài khoản: 911

Đơn vị: VNĐ

Chứng từ		Diễn giải	TKĐƯ	Số phát sinh	
Số hiệu	Ngày tháng			Nợ	Có
		<b>SĐĐK</b>			
PKT 124	31/12/2015	K/c giá vốn hàng bán	632	113.601.186.646	
PKT 124	31/12/2015	K/c chi phí HĐTC	635	940.973.217	
PKT 124	31/12/2015	K/c chi phí QLKD	642	5.146.816.189	
PKT 123	31/12/2015	K/c doanh thu	511		120.127.355.895
PKT 123	31/12/2015	K/c Doanh thu HĐTC	515		11.894.784
PKT 126	31/12/2015	K/c thuế TNDN	821	99.060.418	
PKT 127	31/12/2015	K/c lãi	421	351.214.209	
		<b>Cộng phát sinh</b>		<b>120.139.250.679</b>	<b>120.139.250.679</b>
		<b>SDCK</b>			

**Người lập biểu**  
(Ký, họ tên)

**Kế toán trưởng**  
(Ký, họ tên)

**Giám đốc**  
(Ký, họ tên, đóng dấu)

**Biểu số 2.25. Sổ cái TK635**

**CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI  
QUẾ PHÒNG**

**Mẫu số S03b – DNN**  
*(Ban hành theo QĐ số 48/2006/QĐ-BTC*  
*Ngày 14/09/2006 của Bộ trưởng BTC)*

**SỔ CÁI**

Năm 2015

Tài khoản: 421

Đơn vị: VNĐ

Chứng từ		Diễn giải	TKĐƯ	Số phát sinh	
Số hiệu	Ngày tháng			Nợ	Có
		<b>SĐĐK</b>			426.098.139
PKT 127	31/12/2015	K/c lãi	911		351.214.209
		<b>Cộng phát sinh</b>			
		<b>SDCK</b>			<b>777.312.348</b>

**Người lập biểu**  
(Ký, họ tên)

**Kế toán trưởng**  
(Ký, họ tên)

**Giám đốc**  
(Ký, họ tên, đóng dấu)

**Biểu 2.26. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh**

Mẫu số B02 – DNN

**CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI QUẾ PHÒNG** (Ban hành theo QĐ số 48/2006/QĐ-BTC  
Ngày 14/09/2006 của Bộ trưởng BTC)

**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**

Năm 2015

Đơn vị tính: VNĐ

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01		120.127.355.895	107.521.541.250
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02			
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10 = 01 - 02)	10		120.127.355.895	107.521.541.250
4. Giá vốn hàng bán	11		113.601.186.646	100.595.630.163
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20 = 10 - 11)	20		6.526.169.249	6.924.911.087
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21		11.894.784	27.987.110
7. Chi phí tài chính	22		940.973.217	717.245.281
<i>Trong đó : chi phí lãi vay</i>				
8. Chi phí quản lý kinh doanh	24		5.146.816.189	5.586.969.508
9. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh (30 = 20 + 21 - 22 - 24)	30		450.274.627	648.683.408
10. Thu nhập khác	31		-	122.727.273
11. Chi phí khác	32		-	203.279.829
12. Lợi nhuận khác (40 = 31 - 32)	40		-	(80.552.556)
13. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)	50	IV.09	450.274.627	568.130.852
14. Chi phí thuế TNDN	51		99.060.418	142.032.713
15. LN sau thuế TNDN (60=50-51)	60		351.214.209	426.098.139

Lập, ngày ..31...tháng..12...năm ..2015.

Người lập biểu  
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng  
(Ký, họ tên)

Giám đốc  
(Ký, họ tên, đóng dấu)

**CHƯƠNG 3: MỘT SỐ Ý KIẾN NHẪM HOÀN THIỆN CÔNG TÁC KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TẠI CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI QUẾ PHÒNG**

**3.1. Đánh giá chung về công tác kế toán nói chung và kế toán DT, CP và XKQKD tại công ty Cổ phần Thương mại Quế Phòng**

Qua thời gian thực tập tìm hiểu thực tế về công tác kế toán nói chung và công tác hạch toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty Cổ phần Thương mại Quế Phòng đã mang đến cho em cái nhìn sơ bộ và một số đánh giá chung về tổ chức hoạt động, tổ chức hạch toán của công ty như sau:

**3.1.1. Ưu điểm**

Cùng với quá trình chuyển đổi, trưởng thành của mình, công tác kế toán tại Công ty Cổ phần Thương mại Quế Phòng không ngừng được hoàn thiện nhằm đáp ứng tốt nhất, hiệu quả nhất yêu cầu quản lý, hạch toán kinh tế. Điều này được thể hiện rõ ở những mặt sau:

**\*Bộ máy kế toán:**

Bộ máy kế toán tổ chức theo mô hình tập trung, gọn nhẹ, chặt chẽ, có nhiều ưu điểm phù hợp với đặc điểm hoạt động kinh doanh, đảm bảo cung cấp kịp thời những yêu cầu cơ bản về thông tin kế toán của công ty. Đội ngũ kế toán có trình độ, năng lực, nhiệt tình, được bố trí hợp lý tạo điều kiện nâng cao trách nhiệm trong công việc được giao, đáp ứng các nhu cầu căn bản về công tác hạch toán kinh doanh nói chung và hạch toán chi phí nói riêng.

Bộ máy kế toán của Công ty Cổ phần Thương mại Quế Phòng được tổ chức có hệ thống, có kế hoạch, có sự phối hợp chặt chẽ, được chỉ đạo thống nhất từ trên xuống, đảm bảo tính liên tục và linh hoạt, từ đó cho năng suất và hiệu quả công việc cao.

**\*Chứng từ kế toán:**

- Hệ thống chứng từ được tổ chức, sắp xếp tương đối tốt, đảm bảo tính hợp lý, hợp pháp, hợp lệ và đầy đủ theo đúng quy định của Bộ Tài chính.

-Luân chuyên chứng từ: Tuân thủ theo đúng chuẩn mực kế toán là kiểm tra tính đúng đắn, trung thực, hợp lệ.... các yếu tố ghi chép trên chứng từ kế toán. Sau đó sắp xếp, phân loại chứng từ rồi tiến hành định khoản, ghi sổ kế toán.

**\*Tài khoản sử dụng:**

Công ty Cổ phần Thương mại Quế Phòng sử dụng hợp lý và tương đối chi tiết các tài khoản kế toán theo chế độ kế toán hiện hành.

***\*Phương pháp hạch toán:***

Doanh nghiệp hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên, phù hợp với đặc điểm kinh doanh và yêu cầu cung cấp thông tin thường xuyên, kịp thời của công tác quản lý tại Công ty.

***3.1.2. Hạn chế***

Mặc dù Công ty Cổ phần Thương mại Quế Phòng đã rất sát sao việc hoàn thiện và nâng cao bộ máy kế toán trong doanh nghiệp, song công tác kế toán tại doanh nghiệp vẫn tồn tại một số điểm như sau:

***\*Về công tác hạch toán chi phí:***

Công ty Cổ phần Thương mại Quế Phòng hoạt động kinh doanh trong nhiều ngành nghề, có nhiều loại chi phí khác nhau, do vậy Công ty cần theo dõi riêng từng loại chi phí, từng khoản mục chi phí để đảm bảo theo dõi được đầy đủ, chính xác.

***\*Về công tác tiêu thụ:***

Để mở rộng thị trường cần có những kế hoạch Marketing phù hợp. Các nhà quản lý Cổ phần Thương mại Quế Phòng vẫn theo quy tắc kinh doanh truyền thống, chưa có những đổi mới, sáng tạo trong công tác bán hàng và tiêu thụ sản phẩm.

***3.2. Một số ý kiến nhằm hoàn thiện công tác kế toán DT, CP và XĐKQKD tại công ty Cổ phần Thương mại Quế Phòng***

Qua thời gian thực tập tại Công ty Cổ phần Thương mại Quế Phòng được sự chỉ bảo của cô chú các phòng ban, đặc biệt là ban Giám đốc tạo điều kiện và Phòng kế toán, em đã có điều kiện tìm hiểu hoạt động kinh doanh và thực trạng Công tác tổ chức kế toán tại Công ty. Qua những kiến thức đã học trong nhà trường và liên hệ với quy trình thực tế tại Công ty, em xin đưa ra một số ý kiến về phương hướng hoàn thiện những tồn tại trong hạch toán kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty Cổ phần Thương mại Quế Phòng.

***3.2.1. Kiến nghị về chứng từ kế toán:***

Do số lượng chứng từ phát sinh từ việc mua và bán hàng tương đối nhiều, việc hạch toán hoàn toàn do bộ phận kế toán tiến hành xử lý nên số lượng công việc không nhỏ. Từ đó có thể dẫn đến sai sót trong khâu xuất nhập chứng từ. Do vậy, Công ty Cổ phần Thương mại Quế Phòng nên thường xuyên kiểm tra, lưu trữ các chứng từ kế toán một cách khoa học, các bộ phận cần phân loại, sắp xếp theo từng nội dung để thuận tiện cho công tác theo dõi, đối chiếu số liệu để vào hồ sơ, thẻ, bảng liên quan nhằm phân định rõ ràng giữa các chi phí kinh doanh.

**3.2.2. Kiến nghị về tài khoản:**

Việc sử dụng Tài khoản kế toán được thực hiện theo hệ thống Tài khoản kế toán ban hành. Công ty Cổ phần Thương mại Quế Phòng cần:

Chi tiết một số tài khoản để thuận tiện trong việc theo dõi như TK642- Chi phí Quản lý Kinh doanh nên mở thêm tài khoản cấp 2 là: TK 6421- Chi phí bán hàng và TK 6422- Chi phí quản lý doanh nghiệp. Từ đó mở sổ chi tiết 2 tài khoản trên

=> Mẫu sổ chi tiết chi phí sản xuất, kinh doanh

Đơn vị:.....

Địa chỉ:.....

Mẫu số S17-DNN

(Ban hành theo QĐ số 48/2006/QĐ - BTC

ngày 14/9/2006 của Bộ trưởng BTC)

**SỔ CHI TIẾT CPSXKD**

- Tài khoản:.....

- Tên phân xưởng:.....

- Tên sản phẩm, dịch vụ:.....

Ngày, tháng ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	Tài khoản đối ứng	Ghi Nợ Tài khoản 6421								
	Số hiệu	Ngày, tháng			Tổng số tiền	Chia ra							
						64211	64212	64213	64214	...	62417	...	
A	B	C	D	E	1	2	3	4	5	6	7	8	
			- Số dư đầu kỳ - Số phát sinh trong kỳ										
			- Cộng số phát sinh trong kỳ - Ghi Có TK ... - Số dư cuối kỳ										

- Sổ này có ... trang, đánh số từ trang 01 đến trang ...

- Ngày mở sổ: ...

Ngày..... tháng.... năm .....

**Người ghi sổ**

(Ký, họ tên)

**Kế toán trưởng**

(Ký, họ tên)

**Giám đốc**

(Ký, họ tên, đóng dấu)



- **Mẫu sổ chi tiết tài khoản 6422 tương tự như tài khoản 6421**

### **3.3.3. Kiến nghị về sổ kế toán:**

Công ty Cổ phần Thương mại Quế Phòng nên mở các sổ chi tiết để theo dõi từng loại vật tư, từng kho cụ thể để tiện cho công tác quản lý.

Công ty nên mở sổ chi tiết bán hàng để theo dõi doanh thu, giá vốn hàng bán để dễ xác định lãi lỗ của từng mặt hàng, việc mở sổ chi tiết bán hàng sẽ giúp Giám đốc công ty xác định được lãi lỗ của từng mặt hàng để từ đó đưa ra các quyết định đúng đắn nên tăng mặt hàng nào và giảm mặt hàng nào để đáp ứng được nhu cầu của thị trường.

=> Mẫu sổ chi tiết bán hàng

Đơn vị : .....

Địa chỉ : .....

Mẫu số S17-DNN

(Ban hành theo QĐ số 48/2006/QĐ - BTC

ngày 14/9/2006 của Bộ trưởng BTC)

**SỔ CHI TIẾT BÁN HÀNG**

Tên sản phẩm (hàng hoá ,dịch vụ,bắt đầu sản đầu tư):.....

Năm.....

Quyển số :.....

Ngày tháng ghi số	Chứng từ		Diễn giải	TK đối ứng	Doanh thu			Các khoản tính trừ	
	Số hiệu	Ngày tháng			Số lượng	Đơn giá	Thành tiền	Thuế	Khác (5211,5212, 5213)
A	B	C	D	E	1	2	3=1x2	4	5
			Cộng số phát sinh - Doanh thu thuần - Giá vốn hàng bán - Lãi gộp						

- Sổ này có .....trang, đánh từ trang 01 đến trang.....

- Ngày mở sổ: .....

Ngày .....tháng ..... năm.....

**Người ghi sổ**

(Ký ,họ tên)

**Kế toán trưởng**

(Ký ,họ tên)

**3.3.4. Kiến nghị thay đổi hình thức kế toán**

Công ty Cổ phần Thương mại Quế Phòng nên đưa phần mềm kế toán vào sử dụng để mang lại hiệu quả cao trong công việc và giảm áp lực, khối lượng cho Phòng kế toán. Hiện nay có rất nhiều phần mềm kế toán hữu ích, được nhiều doanh nghiệp lớn nhỏ sử dụng, Công ty Cổ phần Thương mại Quế Phòng nên lựa chọn loại phần mềm phù hợp với đặc điểm kinh doanh cho doanh nghiệp.

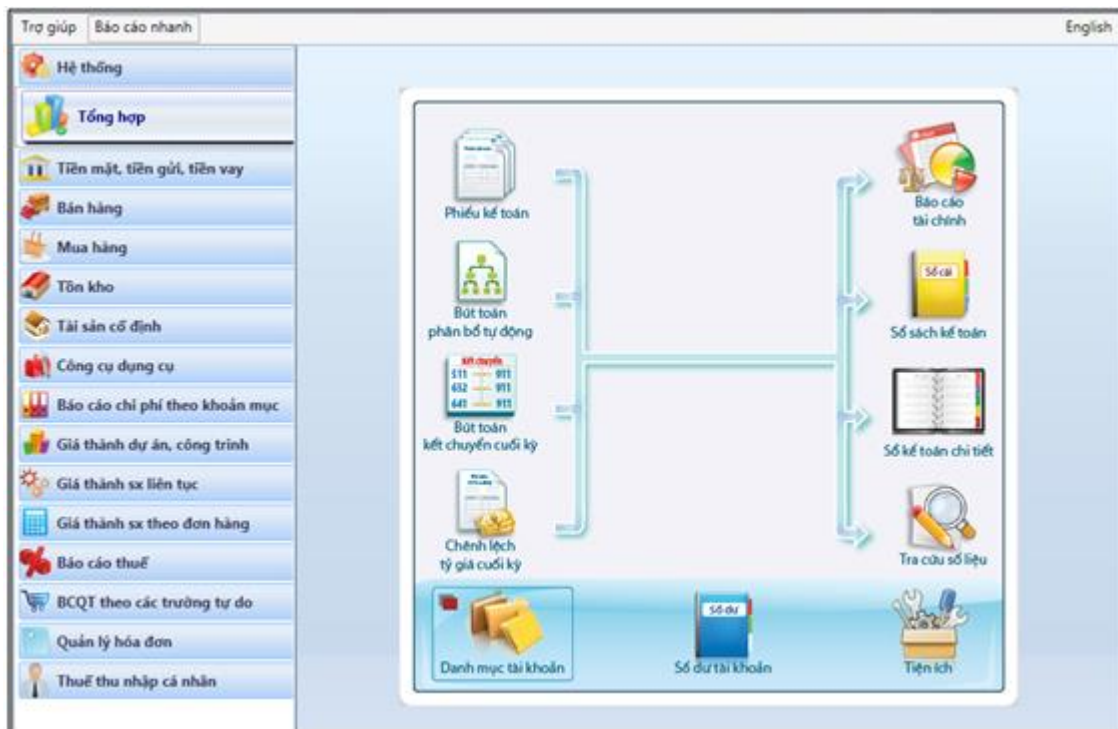
Trên thị trường hiện nay có một số loại phần mềm kế toán thông dụng như: MISA, FAST, BRAVO..... Việc sử dụng phần mềm kế toán sẽ giúp ích rất nhiều cho công việc, tiết kiệm thời gian, chi phí, giúp bộ máy kế toán trở nên đơn giản, gọn nhẹ.

- **Phần mềm kế toán MISA SME.NET.2015 MISA SME.NET.2015**

- Đây là phần mềm kế toán cho phép doanh nghiệp thực hiện các nghiệp vụ: Quỹ, Ngân hàng, Mua hàng, Bán hàng, Thuế, Kho, TSCĐ, CCDC, Giá thành, Hợp đồng, Ngân sách, Cổ đông, Tổng hợp.
- Tự động sao lưu dữ liệu sau mỗi phiên làm việc, dễ dàng khôi phục lại dữ liệu khi có sự cố xảy ra, dữ liệu kế toán luôn được an toàn khi có sự thay đổi nhân sự kế toán.



- **Phần mềm kế toán máy FAST**



- Giao diện phần mềm đơn giản, dễ sử dụng và các loại sổ sách chứng từ kế toán cập nhật và bám sát chế độ kế toán hiện hành. Ngoài ra, phần mềm có một hệ thống báo cáo đa dạng, và nhân viên có thể yên tâm về việc quản lý của mình.
- Tốc độ xử lý dữ liệu của phần mềm rất nhanh.
- Cho phép kết xuất báo cáo ra Excell với mẫu biểu sắp xếp đẹp.

### **Kết luận**

Sau một thời gian học tập, tìm hiểu công tác kế toán ở Công ty Cổ phần Thương mại Quế Phòng, em đã phân nào nắm bắt được thực trạng công tác tổ chức hệ thống kế toán trong một doanh nghiệp và những công việc cần làm đối với một phần hành kế toán. Điều đó giúp em hiểu thêm về sự giống và khác nhau giữa lý luận và thực tiễn nhằm bổ sung những kiến thức đã được học trong nhà trường.

Trong thời gian thực tập tại Công ty Cổ phần Thương mại Quế Phòng em đã học hỏi được rất nhiều kinh nghiệm về hạch toán kế toán nói chung và kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh nói riêng nói riêng. Công ty Cổ phần Thương mại Quế Phòng đã khẳng định mình là một doanh nghiệp lâu năm, có kinh nghiệm vững vàng trong lĩnh vực kinh doanh. Công ty đã tổ chức rất tốt công tác kế toán doanh thu, tiêu thụ và xác định kết quả kinh doanh.

Một lần nữa, em xin chân thành cảm ơn sự hướng dẫn nhiệt tình và chu đáo của thầy giáo-Th.S Phạm Văn Tường và phòng Kế toán Công ty Cổ phần Thương mại Quế Phòng đã giúp em hoàn thành bài Khóa luận này.

Hải Phòng, ngày      tháng      năm

Sinh viên